

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	1
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5. Định hướng phát triển.....	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	8
2. Tổ chức và nhân sự.....	14
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	20
4. Tình hình tài chính.....	21
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	22
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	23
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	23
2. Tình hình tài chính.....	25
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	27
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	28
5. Báo cáo phát triển bền vững.....	28
6. Báo cáo quản trị rủi ro.....	30
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	32
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	32
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban TGD công ty.....	33
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	33
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	34

1. Hội đồng quản trị	34
2. Ban kiểm soát.....	36
3. Các giao dịch nội bộ, thù lao HĐQT, BKS.....	38
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	39

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC-TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

BINH DINH PHARMACEUTICAL AND MEDICAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100259564

- Vốn điều lệ: 523.790.000.000 đồng

- Địa chỉ: 498 Nguyễn Thái Học – phường Quang Trung - thành phố Quy Nhơn – tỉnh Bình Định

- Số điện thoại: 056.3846500

- Số fax: 056.3846846

- Website: <http://www.bidiphar.com>

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Các tổ chức tiền thân Bidiphar

Năm 1976 – Từ nền tảng Xưởng Dược thuộc Ban quân dân y khu 5, hình thành các đơn vị của tỉnh hoạt động trong ngành dược và trực thuộc Ty Y tế Nghĩa Bình, bao gồm: Công ty Dược phẩm Dược liệu Nghĩa Bình (chuyên về phân phối, trụ sở tại thị xã Quy Nhơn), Xí nghiệp Dược phẩm Nghĩa Bình (chuyên về sản xuất, trụ sở tại thị xã Quảng Ngãi), Công ty vật tư Y tế Nghĩa Bình (chuyên kinh doanh vật tư, thiết bị y tế, trụ sở tại 34 Ngô Mây Quy Nhơn), Trạm nghiên cứu Dược liệu Nghĩa Bình (chuyên phát triển nuôi trồng và nghiên cứu dược liệu, có trụ sở tại thị xã Quy Nhơn).

Năm 1979 – Thành lập Phân xưởng phủ tạng tại 363-371 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn trực thuộc Xí nghiệp Dược phẩm Nghĩa Bình.

Năm 1980 - Trên cơ sở Phân xưởng phủ tạng thành lập Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình trực thuộc Ty Y tế Nghĩa Bình.

Xí nghiệp bao gồm các phân xưởng cơ bản sau: phân xưởng thuốc Nước, phân xưởng phi-tin sản xuất thuốc viên từ cám gạo, phân xưởng Berberrin, phân xưởng thuốc viên, phân xưởng sản xuất cao xoa các loại, phân xưởng dầu cá,....

Năm 1983 – Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình chuyển trực thuộc Xí nghiệp Liên hợp Dược Nghĩa Bình.

Năm 1986 – Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình chuyển Nhà máy sản xuất về tại 498 Nguyễn Thái Học, Quy Nhơn hoạt động sản xuất cho đến nay. Trong giai đoạn này Xí nghiệp chỉ thực hiện nhiệm vụ sản xuất theo đơn đặt hàng của Liên hợp Dược Nghĩa Bình.

Năm 1988 – Chuyển Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình sang mô hình hoạt động hạch toán kinh tế độc lập, không phụ thuộc vào việc đặt hàng theo kế hoạch từ Công ty Dược phẩm dược liệu Nghĩa Bình.

b) Thành lập thương hiệu Bidiphar và các giai đoạn phát triển

Năm 1989 – Chính phủ tách địa giới hành chính tỉnh Nghĩa Bình thành 02 tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Xí nghiệp Dược phẩm II Nghĩa Bình được đổi tên thành Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định (viết tắt là Bidiphar).

Năm 1994 – Bidiphar liên doanh với Xí nghiệp Dược phẩm Chăm pa sắc-Lào thành lập Công ty liên doanh dược phẩm hữu nghị Champasac-Bình Định, có trụ sở tại tỉnh Champasack Lào, gọi tắt là Công ty CBF Pharma Co.,Ltd. Trong đó Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định chiếm 80% vốn điều lệ.

Năm 1995 - Ngày 05/05/1995 – theo Quyết định số 922/QĐ-UB của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc hợp nhất 02 đơn vị là Công ty Dược Vật tư Y tế Bình Định và Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định thành lập Công ty Dược-Trang thiết bị Y tế Bình Định, trong đó nòng cốt là Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định.

Năm 1999 – Thực hiện chủ trương cổ phần hóa, tách Phân xưởng In và Bao bì, một đơn vị trực thuộc của Bidiphar thành lập Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Định. Bidiphar đầu tư xây dựng Nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP - ASEAN đầu tiên.

Năm 2005 – Thành lập mới 02 đơn vị trực thuộc là Công ty TNHH MTV do Bidiphar làm chủ sở hữu 100% vốn:

- Tách Xí nghiệp Nước khoáng Chánh Thắng (đơn vị hạch toán trực thuộc Bidiphar) thành lập Công ty TNHH MTV Nước Khoáng Quy Nhơn theo Quyết định 1275/QĐ-CTD ngày 28/12/2005 của Giám đốc công ty, hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm.

- Thành lập mới Công ty TNHH MTV Muối Bình Định từ Xí nghiệp Muối I ốt trực thuộc, hoạt động sản xuất kinh doanh muối iốt và thực phẩm khác, theo Quyết định số 1166/QĐ-CTD ngày 25/11/2005 của Giám đốc Công ty Dược-TTBYT Bình Định.

Năm 2006 – Bidiphar chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, theo Quyết định thành lập số 102/2006/QĐ-UBND ngày 27/06/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần khoáng sản Biotan, hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Bidiphar chiếm 10% vốn điều lệ.

Đầu tư nâng cấp Nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.

Năm 2007: Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar, quản lý vốn đầu tư sang Lào: trồng và chăm sóc 5.000 ha cao su tại tỉnh Sê kông, CHDCND Lào. Bidiphar chiếm 30% vốn điều lệ .

Năm 2008 – Tách bộ phận sản xuất dược phẩm thuộc Bidiphar thực hiện cổ phần hóa thành lập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1.

Năm 2009: Thực hiện tái cơ cấu vốn đầu tư tại Công ty CBF Pharma, Bidiphar thực hiện chủ trương của tỉnh bán hết phần vốn nhà nước tại Công ty CBF Pharma và hoàn tất việc thu hồi vốn vào tháng 12/2011, để chuyển sang các dự án đầu tư khác.

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Nước khoáng Chánh thắng thành lập Công ty Cổ phần Nước khoáng Quy Nhơn. Bidiphar chiếm 30% vốn điều lệ.

Năm 2010 – chuyển công ty mẹ từ doanh nghiệp nhà nước sang hình thức Công ty TNHH 01 TV do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23/06/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, Bidiphar bắt đầu hoạt động theo Luật doanh nghiệp cho đến nay.

Năm 2012: Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Muối Bình Định, thành lập Công ty CP Muối và Thực phẩm Bình Định, hoạt động từ ngày 01/01/2013. Bidiphar chiếm 42,28% vốn điều lệ.

Năm 2013: tiến hành cổ phần hóa Bidiphar theo Quyết định số 3439/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định thành công ty cổ phần.

Thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Nước khoáng Quy Nhơn.

Năm 2014: Chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/03/2014 sau khi tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập..

Thực hiện chủ trương thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần In và Bao bì Bình Định.

Năm 2015 Hoàn tất sáp nhập Bidiphar 1 vào Bidiphar và chính thức hoạt động vào 01/01/2015. Vốn điều lệ 419,182 tỷ đồng, trong đó nhà nước chiếm giữ 41,65% vốn điều lệ.

Năm 2016: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 523,79 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ nhà nước chiếm giữ 33,34%.

Thành lập mới 03 công ty 100% vốn của Bidiphar nhằm thực hiện các dự án Nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP-PIC/S:

- Công ty TNHH MTV Bidiphar Công nghệ cao.
- Công ty TNHH MTV Bidiphar Betalactam.
- Công ty TNHH MTV Bidiphar Non-Betalactam.

c) Những dấu mốc quan trọng ứng dụng KHCVN vào sản xuất dược phẩm

Năm 1992: Nghiên cứu và sản xuất thuốc Tiêm kháng sinh Gentamicin.

Năm 1997: Nghiên cứu và sản xuất Dung dịch Tiêm truyền kháng sinh và Axit amin. Đổi mới trong quản lý chất lượng sản phẩm kết hợp một cách có hiệu quả ISO 9001 và GPs.

Năm 2003: Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ bào chế thuốc tiêm đông khô

Năm 2010: Nghiên cứu thành công và sản xuất thuốc điều trị ung thư.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất dược phẩm, dược liệu
- Bán buôn dược phẩm, dược liệu; dụng cụ, vật tư ngành y tế
- Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm
- Dịch vụ bảo quản thuốc; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc; Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I-ốt

- Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng
- Mua bán máy móc thiết bị y tế; Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng
- Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế
- Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát
- Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton
- In ấn
- Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm
- Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết kiệm, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế
- Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ
- Khai thác và chế biến khoáng sản.

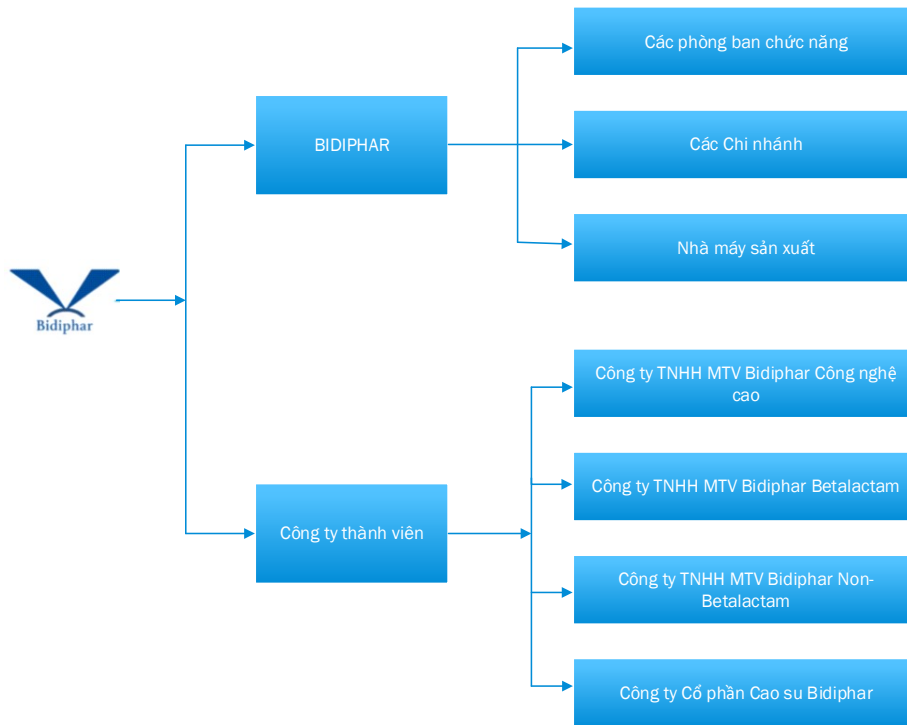
Hoạt động chính của công ty là sản xuất, mua bán hàng dược phẩm, dược liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, vật tư ngành y tế.

b) Địa bàn kinh doanh

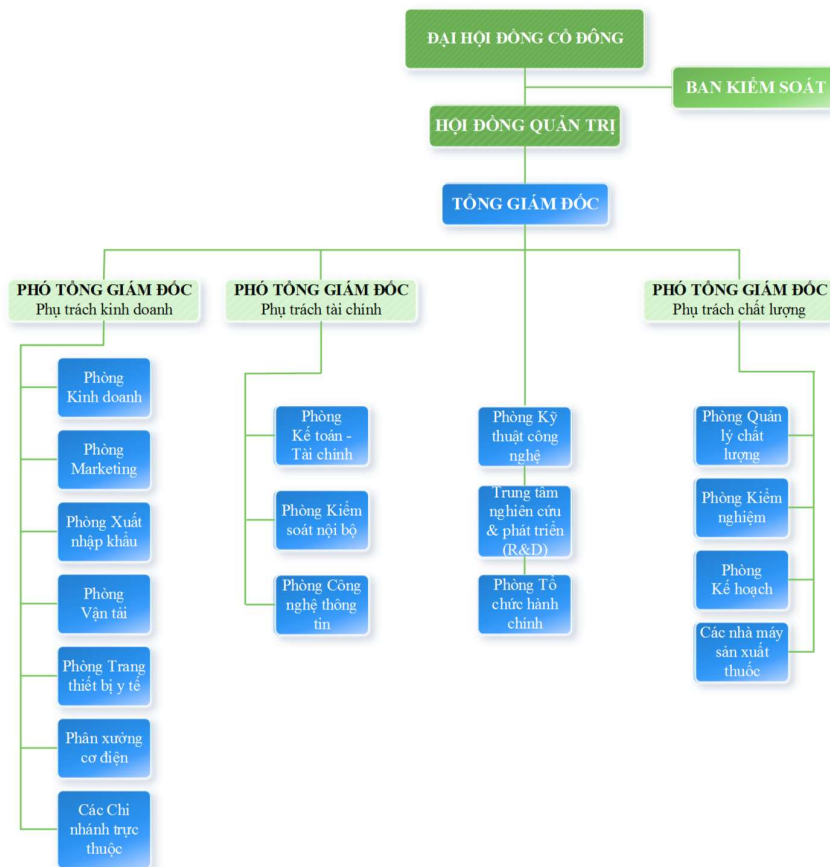
Trong nước và xuất khẩu

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị



b) Cơ cấu bộ máy quản lý



c) Các công ty con, công ty liên kết

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%) của Bidiphar	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ
Công ty TNHH Một thành viên Bidiphar Công nghệ cao	Bình Định	Kinh doanh, sản xuất dược phẩm	100 %	100 %
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	Bình Định	Kinh doanh, sản xuất dược phẩm	100 %	100 %
Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	Bình Định	Kinh doanh, sản xuất dược phẩm	100 %	100 %
Công ty CP Cao su Bidiphar	Bình Định	Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến và kinh doanh mủ cao su.	33,58%	33,58%

5. Định hướng phát triển

a) Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

Phát triển thành một thương hiệu mạnh bền vững, có tiềm lực về tài chính, phương pháp quản lý, điều hành tiên tiến;

Tạo việc làm, ổn định đời sống và tăng thu nhập cho người lao động;

Gia tăng lợi ích cho nhà đầu tư;

Đóng góp nguồn thu ngân sách, góp phần phát triển kinh tế xã hội, phát triển cộng đồng.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục lấy việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ làm nền tảng cho việc phát triển Công ty;

Tập trung phát triển hệ thống phân phối mạnh và bền vững, chiếm lĩnh thị phần nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh chuẩn bị cho việc hội nhập Quốc tế;

Hoàn thành đầu tư thành lập Doanh nghiệp Khoa học Công nghệ chuyên sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao (thuốc điều trị ung thư, thuốc đông khô) theo tiêu chuẩn GMP-PIC/S;

Đầu tư mới dây chuyền sản xuất thuốc Cephalosporin theo tiêu chuẩn GMP EU;

Xây dựng hệ thống đánh giá và trả lương thích hợp cho người lao động nhằm kiện toàn bộ máy nhân sự. Trong đó chú trọng xây dựng các chính sách đãi ngộ thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao;

Tiếp tục cải tiến hệ thống chất lượng theo hướng: Cải tiến các quy trình thủ tục đơn giản, thiết thực, cập nhật các quy định mới của GPs; ISO 2001-2015. Thực hành tốt GPs, sẵn sàng cho việc chứng nhận chuyển đổi phiên bản ISO 2015; đánh giá dây chuyền mới và tái đánh giá GMP năm 2019 theo PICs;

Tiếp tục hoàn thiện công tác Quản trị doanh nghiệp thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

c) Phát triển bền vững

Gắn với mục tiêu đã đặt ra, Công ty sẽ phát triển một Chính sách phát triển bền vững đảm bảo hài hòa các lợi ích. Việc đáp ứng lợi ích của cổ đông thông qua thực thi chính sách đảm bảo chất lượng của sản phẩm sẽ đi kèm với việc đảm bảo một môi trường làm việc với độ thỏa mãn cao.

Công ty cam kết và đảm bảo các khoản đóng góp đối với Nhà nước và Cộng đồng như: Thuế, các nghĩa vụ và các khoản đóng góp xã hội khác. Công ty luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc bảo vệ môi trường và sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý.

d) Định hướng quản trị rủi ro

Công ty hiện tại chú trọng quản lý các rủi ro như sau:

- Rủi ro từ hoạt động kinh doanh
- Rủi ro tài chính
- Rủi ro phát sinh trong hoạt động đầu tư
- Rủi ro chính sách vĩ mô

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Năm 2016 vừa qua, trước bối cảnh nền kinh tế có dấu hiệu hồi phục, tuy nhiên vẫn còn đó nhiều khó khăn, chính sách vĩ mô thường xuyên thay đổi, đặc biệt là các quy định trong ngành sản xuất dược phẩm; thị trường cạnh tranh gay gắt, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Nhưng được sự hỗ trợ nhiều mặt từ phía các Sở ngành, lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh, được sự tin tưởng của đối tác khách hàng, Bidiphar đã đạt được những kết quả khả quan.

Bằng nhiều giải pháp đồng bộ và linh hoạt công ty đã nỗ lực thực hiện đảm bảo ổn định sản xuất kinh doanh; chủ động vượt qua các khó khăn thách thức, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, cải thiện năng lực quản trị doanh nghiệp, duy trì lòng tin đối với các nhà đầu tư, các khách hàng.

Hiện, Bidiphar đã có bước phát triển khá ổn định, đã củng cố và phát triển hơn nữa mạng lưới phân phối rộng khắp các tỉnh thành, tạo điều kiện đưa các sản phẩm của Bidiphar đến với khách hàng nhanh chóng, kịp thời và đảm bảo chất lượng. Mặt khác, Bidiphar cũng đã tạo lập được cho mình những giá trị riêng biệt, có chỗ đứng uy tín trên thị trường dược phẩm trên cả nước.

Với những bước đi đúng định hướng, năm qua công ty về cơ bản đã vượt qua những khó khăn và hoàn thành tương đối các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

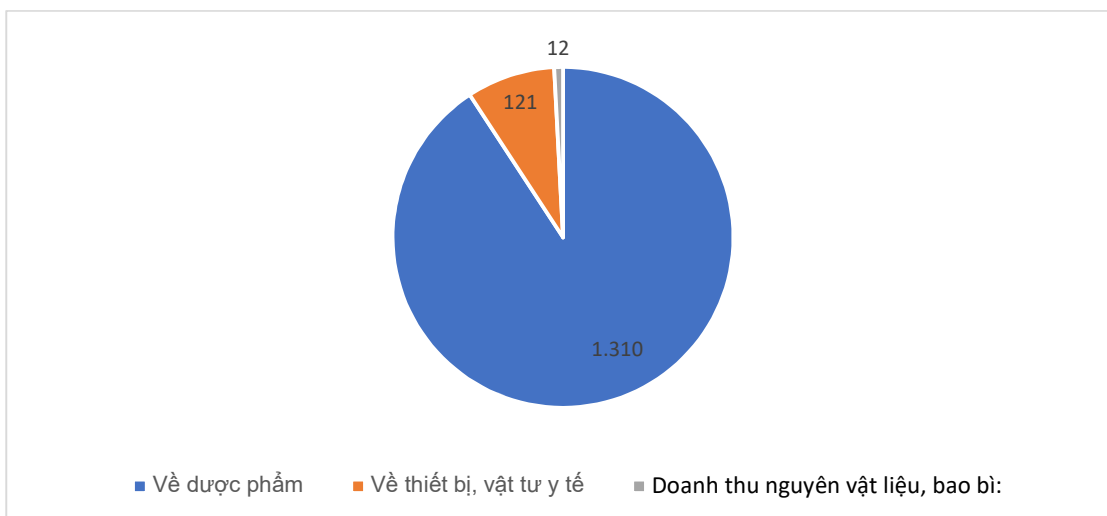
TT	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH 2016/ KH 2016	TH 2016/ TH 2015
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	554	675	773	115%	140%
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	419	524	524	100%	125%
3	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.266	1.400	1.443	103%	114%
4	Giá trị kim ngạch xuất khẩu	Nghìn USD	1.320	1.000	862	86%	65%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	274	150	176	117%	64%
5.1	Lợi nhuận từ SXKD	Tỷ đồng	125	150	171	114%	137%
5.2	Lợi nhuận hợp nhất từ Công ty liên kết	Tỷ đồng	-	-	5		
5.3	Lợi nhuận Khác	Tỷ đồng	149	-	-		
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	215	120	141	118%	66%
7	Tổng đã nộp ngân sách	Tỷ đồng	88	Theo luật	67		76%
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15%	15%	15%	100%	100%
9	EPS (Thu nhập trên mỗi cổ phiếu)	đ/cp	4.500	2.290	2.789	122%	62%
10	ROS	%	18	9	10	111%	56%
11	ROE	%	50	18	19	106%	38%
12	ROA	%	23	11	11	100%	48%
13	Tổng số lao động	Người	1.127	1.200	1.153	96%	102%
14	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr/đồng	7,5	8,0	8,0	100%	107%

b) Một số nét nổi bật trong hoạt động năm 2016

i. Về công tác thị trường

Doanh thu toàn Công ty trong năm 2016 đạt **1.443** tỷ đồng, trong đó doanh thu chi tiết từng nhóm hàng như sau:

- Về dược phẩm: **1.310** tỷ
- Về thiết bị, vật tư y tế **121** tỷ
- Doanh thu nguyên vật liệu, bao bì: **12** tỷ



Hệ thống phân phối dược phẩm: Sáp nhập Chi nhánh Phù Mỹ, Hoài Ân vào Chi nhánh Hoài Nhơn; Thành lập mới Chi nhánh Bidiphar Hải Phòng, Phú Thọ và Thanh Hóa. Hiện nay Bidiphar có 18 Chi nhánh, 49 quầy thuốc, nhà thuốc trực thuộc.

Triển khai thí điểm xây dựng quy trình, hệ thống hướng dẫn nhóm chuyên biệt bán hàng thuốc điều trị ung thư tại 3 miền Bắc Trung Nam và bước đầu mang lại hiệu quả.

Hoàn thành xây dựng bộ dữ liệu khách hàng OTC & ETC; là tiền đề cho việc xây dựng các chính sách và chương trình bán hàng hiệu quả.

Hoạt động kinh doanh TTBYT: giữ vững thị phần tại các thị trường hiện có, mở rộng ra các thị trường mới tại TPHCM, KonTum, Gia Lai, Khánh Hòa, Phú Yên, Nghệ An.... Tiếp tục là nhà phân phối độc quyền một số các mặt hàng truyền thống: Găng tay (Bidiphar Top Glove), huyết áp kế (ALPK).

ii. Về hoạt động marketing

Hoạt động xúc tiến thương mại

Hình thành nhóm khảo sát thị trường riêng biệt phục vụ cho công tác định hướng phát triển Sản phẩm, chính sách chiến lược của Công ty.

Phát triển hệ thống chi nhánh: thành lập 03 Chi nhánh Bidiphar tại Hải Phòng, Thanh Hóa và Phú Thọ. Tiếp tục hoàn thành phương án thành lập các Chi nhánh khác tại: Tiền Giang, An Giang, Kiên Giang.

Thành lập nhóm chuyên trách phát triển bán hàng thuốc điều trị ung thư ở 3 khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Đồng thời triển khai nghiên cứu phát triển kênh thực phẩm chức năng.

Hoạt động chăm sóc khách hàng

Trong năm 2016, phòng Marketing tiếp tục duy trì tham gia chương trình Hội chợ HVNCLC tại Cần Thơ, Bình Định, Đồng Nai. Tổ chức gặp mặt tri ân hơn 3.000 khách hàng khối OTC toàn quốc kết hợp với các chương trình xúc tiến bán hàng định kỳ của năm 2016..

Hoạt động phát triển thương hiệu

Hoàn thành bộ mẫu thiết kế nhận diện sản phẩm cho các nhóm thuốc, thay đổi mẫu mã sản phẩm theo bộ thiết kế tiêu chuẩn và các hoạt động nhận diện thương hiệu thông qua các sự kiện truyền thông.

iii. Về công tác sản xuất, nghiên cứu và đảm bảo chất lượng

Tháng 8 năm 2016 bộ phận kiểm nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005 do văn phòng công nhận chất lượng BOA thuộc Bộ Khoa Học Công Nghệ chứng nhận.

Nghiên cứu đánh giá tính khả thi về nghiên cứu bào chế: 44 sản phẩm.

Đã nộp HSDK trong năm 2016 cho 10 sản phẩm nghiên cứu mới.

iv. Về công tác đầu tư

Tổng giá trị đầu tư giải ngân 2016 là **134,53 tỷ đồng**, bao gồm:

Đầu tư nâng cấp trang thiết bị hợp lý hóa dây chuyền cho các Phân xưởng sản xuất, cải tiến hệ thống nhà kho, phương tiện vận chuyển hàng hóa, thiết bị phục vụ quản lý với tổng giá trị đầu tư 84,16 tỷ đồng;

Tiếp tục đầu tư thiết bị cho Trung tâm nghiên cứu & phát triển trị giá 27,7 tỷ đồng.

Đầu tư Dự án dược liệu sạch theo tiêu chuẩn GACP tại An Lão-Bình Định: 6,22 tỷ đồng;

Đầu tư hệ thống phân phối, xây dựng văn phòng các chi nhánh ngoài tỉnh: 4,92 tỷ đồng;

Thành lập mới 03 công ty 100% vốn Bidiphar tại Khu KT Nhơn Hội, đồng thời tiến hành thuê đất để triển khai các Dự án đầu tư nhà máy sản xuất dược phẩm tại Khu kinh tế Nhơn Hội với diện tích 6ha, tiền thuê đất giải ngân năm 2016: 11,3 tỷ đồng. Phối hợp với Công ty Testa Tây Ban Nha lên thiết kế ý tưởng nhà máy theo tiêu chuẩn GMP – PIC/S.

v. Về nghiên cứu khoa học và phát triển sản phẩm mới

Về nghiên cứu sản phẩm mới:

Đánh giá tính khả thi về nghiên cứu bào chế: 44 sản phẩm.

Kết quả nghiên cứu cải tiến: thực hiện 100% kế hoạch đề ra và 40/60 sản phẩm theo đề nghị của phòng Marketing.

Thực hiện 24 sản phẩm nghiên cứu cải tiến độ ổn định 6 tháng/ đạt chỉ tiêu cần cải tiến.

Được Bộ Y tế cấp số đăng ký lưu hành 10 sản phẩm mới; 27 sản phẩm được cấp số đăng ký lại; 7 sản phẩm được gia hạn số đăng ký.

Về thực hiện Dự án KHCN cấp nhà nước:

Tiếp tục triển khai Dự án khoa học và công nghệ cấp Nhà nước “ Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư ”, và đã hoàn thành một số nội dung quan trọng:

- Dự án đã thực hiện trên 300 chuyên đề nghiên cứu khoa học (đạt 70% trên tổng số các chuyên đề nghiên cứu) và đã được Hội đồng khoa học nghiệm thu;
- Hoàn thành việc thiết kế, chế tạo Isolator chuyên dụng dùng phục vụ cho công tác chuẩn bị thuốc trong các khoa/phòng điều trị ung thư của các bệnh viện. Hiện nay đề tài đã chế tạo thành công 05 isolator với chất lượng tương đương thiết bị nhập ngoại;
- Thực hiện hoàn thành quá trình thiết kế giai đoạn 1 cho nhà máy sản xuất thuốc điều trị ung thư theo tiêu chuẩn GMP-PIC/S và hồ sơ đã được Cơ quan Quản lý Dược Phẩm tại Tây Ban Nha phê duyệt;
- Đã nghiên cứu thành công trên quy mô thí nghiệm 10 sản phẩm mới dùng điều trị ung thư hiện đang quá trình theo dõi độ ổn định sản phẩm;
- Hoàn thiện 6 sản phẩm thuốc và sản xuất trên quy mô công nghiệp.

vi. Về công tác sắp xếp doanh nghiệp

Thực hiện thành công Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm 2016 lên 523,79 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (20%) và người lao động chủ chốt công ty (5%), tạo vốn cho các dự án đầu tư mới .

Đầu tư thành lập mới 03 Công ty con 100% vốn Bidiphar trong quý IV năm 2016, trong đó có một công ty hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ; theo định hướng phát triển, mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm tạo lợi thế cạnh tranh:

- Công ty TNHH Một thành viên Bidiphar Công nghệ cao.
- Công ty TNHH Bidiphar Betalactam.

- Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam.

Đăng ký giao dịch cổ phiếu Bidiphar với mã chứng khoán “DBD” trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM-HNX Hà nội vào cuối năm 2016.

vii. Về hoạt động thi đua khen thưởng

Trong năm 2016, toàn thể CBCNV đã lao động tích cực, phát huy tinh thần làm việc, nỗ lực phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua, đưa nhiệm vụ kế hoạch SXKD về đích thắng lợi. Ghi nhận thành tích đóng góp của tập thể và cá nhân trong suốt thời gian qua, Hội đồng Khen thưởng Công ty đã họp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể và cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong năm 2016, kết quả đạt được như sau:

Tập thể

- Giải thưởng của Thủ tướng Chính phủ: Giải bạc chất lượng quốc gia năm 2015.
- Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh: Đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện các chỉ tiêu thi đua 2015.
- Bằng khen của BCH LĐLĐ tỉnh Bình Định: Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động "Tháng Công nhân" giai đoạn 2012-2016.
- Doanh nghiệp Việt Nam tiêu biểu năm 2016 của tỉnh Bình Định lần thứ 2.
- 03 tập thể được UBND Tỉnh tặng Bằng khen và 05 tập thể được UBND Tỉnh công nhận Tập thể Lao động xuất sắc.
- Bộ Công thương công nhận “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2015”.
- Đạt các giải thưởng uy tín như “100 Thương hiệu bền vững” (Liên hiệp các Hội KH& KT Việt Nam chứng nhận)
- Top 10 Doanh nghiệp sản xuất Dược uy tín tại Việt Nam” (Công ty VietNam Report chứng nhận).

Cá nhân

- 01 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
- 03 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.
- 10 cá nhân được UBND Tỉnh tặng Bằng khen.
- 06 cá nhân được UBND tỉnh công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh 2013 – 2015.
- Chứng nhận của Cục thông tin khoa học và công nghệ quốc gia - Bộ KH&CN: Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất viên nang Diltiazem giải phóng kéo dài ở quy mô công nghiệp (10 cá nhân tham gia).
- UBND Tỉnh trao tặng danh hiệu: Trí thức tiêu biểu về Khoa học - Công nghệ cho 02 thành viên.
- Bộ Khoa học và công nghệ tặng Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ cho 01 cá nhân.
- Tổng giám đốc công ty được tặng thưởng danh hiệu : Doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành

Danh sách thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014 - 2019

i) Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ Hội đồng quản trị/ Ban Kiểm soát	Chức vụ Ban Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng
	Thành viên Hội đồng quản trị (07 thành viên)		
1	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch HĐQT	Tổng giám đốc
2	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	Phó Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT	Phó Tổng giám đốc
5	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên HĐQT	Kế toán trưởng
6	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT độc lập	
7	Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT độc lập	
	Thành viên Ban Kiểm soát (03 thành viên)		
8	Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Trưởng BKS	
9	Ông Huỳnh Thế Duy	Thành viên BKS	
10	Bà Trinh Phương Mai	Thành viên BKS	
1. Ông NGUYỄN VĂN QUÁ			
Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Bidiphar			
Năm sinh: 1961			
Trình độ: Kỹ sư kinh tế công nghiệp			
Quá trình công tác			
05/1983 - 08/1986	Nhân viên phòng kế hoạch – Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình		
09/1986 - 12/1987	Phó trưởng phòng kế hoạch – Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình.		
01/1988 – 12/1989	Trưởng phòng Kế hoạch – Xí nghiệp Dược phẩm 2 Nghĩa Bình		
01/1990 – 05/1995	Phó giám đốc Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định		
6/1995 – 11/2006	Phó giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định		
12/2006 – 2008	Phó Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định		
1/2009 – 2010	Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định		
2010 – 02/2014	Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định		
03/2014 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định		
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 5.356.365 cp			
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 471.095 cp			
+ Sở hữu đại diện: 4.885.270 cp			
2. Bà PHẠM THỊ THANH HƯƠNG			
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Bidiphar			
Năm sinh: 1965			

Trình độ: Thạc sỹ Dược	
Quá trình công tác	
1989 – 2001	Công tác tại xí nghiệp Dược Bình Định sau đổi tên thành Công ty Dược Bình Định. Giữ các chức vụ: Quản đốc phân xưởng - Trưởng phòng kiểm nghiệm – Trưởng phòng đảm bảo chất lượng - Phó giám đốc
2001 - 2007	Phó giám đốc Sở y tế Bình Định
2007 - 2009	Phó Giám đốc Sở Nội vụ Bình Định
2009 - 02/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
03/2014 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu : 2.854.450 cp	
Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 339.353 cp	
+ Sở hữu đại diện : 2.515.097 cp	

3. Ông NGUYỄN THANH GIANG	
Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Bidiphar	
Năm sinh: 1967	
Trình độ: Cử nhân Tài chính – kế toán	
Quá trình công tác	
10/1990 - 5/1995	Kế toán viên – Xí nghiệp dược phẩm Bình Định
6/1995 - 12/1996	Phó phòng Tài vụ Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
1/1997 - 1/2000	Phó Kế toán trưởng Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
1/2000 - 3/2009	Kế toán trưởng Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
4/2009 - 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
3/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 2.878.461 cp	
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 363.364 cp	
+ Sở hữu đại diện: 2.515.097 cp	

4. Ông HUỖNH NGỌC OANH	
Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Bidiphar	
Năm sinh: 1963	
Trình độ: Dược sĩ Đại học	
Quá trình công tác	
4/1988 - 12/1991	Nhân viên Phòng kinh doanh Công ty Dược Tuy Phước Bình Định
1/1992 - 1996	Công tác tại trạm đại diện Công ty Dược – TTBYT Bình Định tại TP Hồ Chí Minh
1/1997 - 9/2010	Giám đốc Chi nhánh Công ty Dược – TTBYT Bình Định tại TP Hồ Chí Minh

10/2010 - 9/2011	Giám đốc khu vực phía Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty Dược – TTBYT Bình Định tại TP Hồ Chí Minh
10/2011 - 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng Giám đốc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
3/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 3.255.005 cp	
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 739.908 cp	
+ Sở hữu đại diện: 2.515.097 cp	

5. Bà NGUYỄN THỊ MAI HOA	
Thành viên Hội đồng quản trị - Kế toán trưởng Bidiphar	
Năm sinh: 1965	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
8/1987 - 12/1989	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Liên hiệp Dược Nghĩa Bình
1/1990 - 5/1995	Nhân viên kế toán Công ty Dược - Vật tư y tế Bình Định
6/1990 - 9/2006	Nhân viên kế toán Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
10/2006 - 4/2008	Phó phòng kế toán Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
5/2008 - 8/2009	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1
9/2009 - 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên, Kế toán trưởng Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
3/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu : 2.806.173 cp	
Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 291.076 cp	
+ Sở hữu đại diện: 2.515.097 cp	

6. Bà NGUYỄN THỊ MAI ANH	
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập - Đại diện phần vốn Nhà nước	
Năm sinh: 1973	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
3/1997-10/1999	Công tác tại Cục Quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp Bình Định
10/1999-8/2010	Chuyên viên Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định
9/2010 – 2/2014	Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định
2/2014 -11/2015	Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định, thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Dược-TTB Y tế Bình Định
12/2015 đến nay	Trưởng Phòng Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Bình Định, thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Dược-TTB Y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu: 2.525.097 cp	

<i>Trong đó:</i> + Sở hữu cá nhân:	10.000 cp
+ Sở hữu đại diện:	2.515.097 cp

7. Ông NGUYỄN VĂN THỊNH	
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	
Năm sinh: 1963	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
2/1987 – 9/2000	Kế toán trưởng tại Công ty Dược An Nhơn, Bình Định
9/2000 – 4/2005	Kế toán trưởng Xí nghiệp nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
5/2005 - 6/2007	Giám đốc Xí nghiệp Nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – TTBYT Bình Định
7/2007 – 11/2009	Giám đốc Công ty TNHH Nước khoáng trực thuộc Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
11/2009 đến nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty CP Nước khoáng Quy Nhơn
7/2007 – 2/2014	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
2/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 106.546 cp	

ii) Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

1. Bà NGUYỄN THỊ HẰNG NGA	
Trưởng Ban kiểm soát	
Năm sinh: 1971	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
1991 – 1992	Công nhân xưởng thuốc tiêm Công ty Dược-TTBYT Bình Định
1993	Học Dược tá bán thuốc tại Sở y tế Bình Định
1994 – 2000	Học Đại học kế toán
2000 – 2008	Nhân viên bán hàng thuộc phòng Kinh doanh Công ty Dược-TTBYT Bình Định
2009 – 04/2015	Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định
04/2015 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát, Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 95.460 cp	

2. Ông HUỖNH THẾ DUY	
Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh: 1985	
Trình độ: Thạc sỹ Tài chính	
Quá trình công tác	

06/2008 – 12/2014	Nhân viên phòng kế toán Công ty CP dược phẩm Bidiphar 1
01/2015 – 04/2015	Nhân viên bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
04/2015 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát, nhân viên bộ phận Kiểm soát nội bộ Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 30.995 cp	

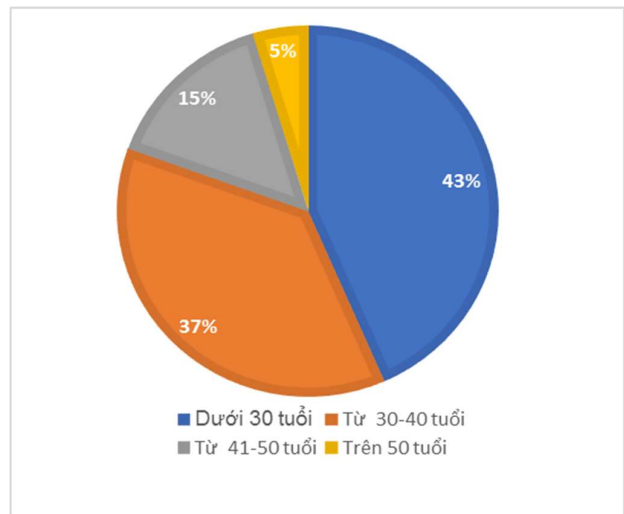
3. Bà TRINH PHƯƠNG MAI	
Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh: 1989	
Trình độ: Cử nhân Kế toán	
Quá trình công tác	
4/2012 – 2/2014	Chuyên viên phòng Thẩm định đầu tư – Quỹ Đầu tư phát triển Bình Định
2/2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược – Trang thiết bị y tế Bình Định kiêm Chuyên viên phòng Thẩm định đầu tư – Quỹ Đầu tư phát triển Bình Định
Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân : 6.000 cp	

b) Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng nhân sự Bidiphar tính đến ngày 31/12/2016 là 1.153 người. Trong đó, trên đại học: 47 người, đại học: 311 người; trung cấp: 409 người và trình độ khác: 386 người.

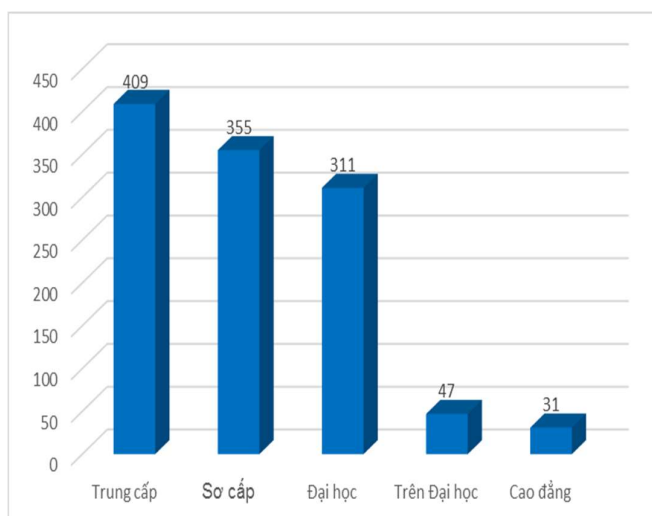
Bảng cơ cấu lao động theo độ tuổi năm 2016

TT	Độ tuổi	Số lượng	Tỷ lệ
1	Dưới 30 tuổi	501	43%
2	Từ 30-40 tuổi	427	37%
3	Từ 41-50 tuổi	171	15%
4	Trên 50 tuổi	54	5%
	Tổng	1.153	100%



Cơ cấu lao động theo trình độ năm 2016

TT	Trình độ	Số lượng	Chiếm tỷ lệ
1	Trên Đại học	47	4%
2	Đại học	311	27%
3	Cao đẳng	31	3%
4	Trung cấp	409	35%
5	Sơ cấp	355	31%
	Tổng	1.153	100%



c) Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Chính sách khuyến khích, thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao

Thu hút nguồn nhân lực được đào tạo chính quy từ các trường đại học uy tín về công tác tại công ty.

Khuyến khích tạo điều kiện để các cán bộ chuyên môn phát huy cao nhất khả năng.

Xây dựng hệ thống vị trí công việc gắn với chức năng nhiệm vụ cụ thể.

Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2016 Công ty đã thực hiện đào tạo 2.644 lượt người tham gia 64 lớp đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài, với kinh phí hơn 2 tỷ đồng, cụ thể như:

- Phối hợp với Trung tâm đào tạo và hỗ trợ doanh nghiệp dược, mỹ phẩm – Cục Quản lý dược, Viện Kiểm nghiệm thuốc TW, Trường Đại học Dược Hà Nội... đào tạo Thông tư 44/2014/TT-BYT, ISO 17025, Quy chế chuyên môn về Dược, Thiết kế thí nghiệm, tối ưu hóa công thức, quy trình...
- Cử người tham gia đào tạo tại các Trung tâm đào tạo uy tín như VCCI, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3, Viện năng suất Việt Nam... đào tạo quy chế chuyên môn về dược, cập nhật hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001: 2015, Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005, thiết lập hồ sơ nghiên cứu phát triển sản phẩm và chuẩn làm việc trong hồ sơ đăng ký thuốc, tập huấn an toàn vệ sinh lao động...

Về chế độ tiền lương, tiền thưởng, chế độ chính sách cho người lao động

Tiền lương, thưởng được trả cho CB-CNV theo quy định pháp luật và quy chế lương, thưởng của Bidiphar, trên cơ sở đánh giá hiệu quả công việc của từng chức danh, theo chuyên môn, tay nghề để đảm bảo nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Chế độ lương, thưởng của Bidiphar đảm bảo mức sống của người lao động, phù hợp với từng lĩnh vực, bán hàng, sản xuất, văn phòng.

Công ty có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có thành tích đóng góp cho Bidiphar: thưởng định kỳ và đột xuất, thưởng cho sáng kiến cải tiến nâng cao hiệu quả công việc.

100% người lao động Bidiphar được tham gia BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của Nhà nước.

Tất cả CB-CNV Bidiphar được khám sức khỏe định kỳ hàng năm;

CB-CNV Bidiphar được trang bị đồng phục mỗi năm để đi làm việc;

Ngoài ra để kích lệ tinh thần làm việc của Người lao động, tất cả các ngày lễ lớn, Tết dương lịch, Tết cổ truyền công ty có chính sách thưởng từ 1 đến 2 tháng lương cho người lao động;

Kết hợp với các đoàn thể tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động. Ngoài ra còn thăm hỏi, tặng quà cho người lao động trong các dịp đặc biệt hay ốm đau, hiếu hỉ của người thân.

Bidiphar còn có chương trình chăm lo cho con em CB-CNV: Tết trung thu, Quốc tế thiếu nhi, hỗ trợ đào tạo, khen thưởng con em CB-CNV có thành tích học tập tốt.

Hàng năm công ty dành một khoản kinh phí từ Quỹ phúc lợi để tổ chức cho người lao động đi tham quan du lịch, nghỉ dưỡng kết hợp đào tạo lên tinh thần nhằm tạo sự đoàn kết, gắn bó, vui vẻ trong đội ngũ sau những ngày làm việc mệt nhọc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm Công ty tiếp tục thực hiện các hạng mục đầu lớn với tổng giá trị giải ngân là 149,8 tỷ đồng.

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Giải ngân năm 2014	Giải ngân năm 2015	Giải ngân năm 2016
1	Đầu tư tăng năng lực sản xuất cho các phân xưởng: thuốc Viên, Đông khô, thuốc nước, Bột tiêm, vi sinh, hệ thống kho, kiểm nghiệm.	Bình Định	120,0	5,00	30,90	84,16
2	Đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển.	Bình Định	50,0		7,20	27,70
3	Tiếp tục hoàn thiện hạng mục xây dựng nhà văn phòng.	Bình Định	26,00	16,85	5,20	4,00
4	Thành lập Trung tâm nghiên cứu trồng và chiết suất dược liệu.	Bình Định	20,00	0,50	1,20	6,22
5	Đầu tư mới Doanh nghiệp KHCN sản xuất dược phẩm. Nhà máy SX thuốc điều trị ung thư.	Bình Định	280,00			11,30
6	Phát triển hệ thống phân phối: đầu tư xây dựng Văn phòng chi nhánh ngoài tỉnh	Đà Nẵng, Quảng Trị, Khánh Hòa, Đồng Nai, Đông bắc bộ, Nghệ An	40,00	4,50	3,10	4,92
7	Đầu tư hệ thống SAP, hệ thống trực tuyến	Văn phòng Công ty và các Chi nhánh	27,00	10,50	5,00	11,50
	Cộng		563,00	37,35	52,60	149,80

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Tất cả các chỉ tiêu đều tăng trưởng tốt so với năm 2015.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng giá trị tài sản	1.067.933	1.434.259
2	Doanh thu thuần	1.225.068	1.384.902
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	129.776	175.844

4	Lợi nhuận khác	144.080	37
5	Lợi nhuận trước thuế	273.856	175.881
6	Lợi nhuận sau thuế	214.766	141.492
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.500	2.789

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1,60 1,24	1,67 1,29
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn Hệ số nợ/ tổng tài sản Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	0,48 0,93	0,46 0,89
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> Vòng quay hàng tồn kho	5,75	4,32
4	Chỉ tiêu khả năng sinh lời Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,18 0,39 0,20 0,11	0,10 0,19 0,10 0,13

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

TT	Đối tượng	CP Hạn chế chuyển nhượng	CP Chuyển nhượng tự do	Tổng cộng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Nhà nước		17.460.755	17.460.755	33,34%
2	Công đoàn Công ty		436.644	436.644	0,83%
3	Tổ chức trong nước		1.598.820	1.598.820	3,05%
4	Cá nhân trong nước	2.499.431	30.291.665	32.791.096	62,60%
5	Cổ phiếu quỹ	85		85	0,00%
6	Tổ chức ngoài nước		74.100	74.100	0,14%
7	Cá nhân ngoài nước		17.500	17.500	0,03%
	Cộng	2.499.516	49.879.484	52.379.000	100,00%

b) Cơ cấu cổ đông

TT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	1	17.460.755	33,34%
2	Công đoàn Công ty	1	436.644	0,83%
3	Tổ chức trong nước	5	1.598.820	3,05%
4	Cá nhân trong nước	1.691	32.791.096	62,60%
5	Cổ phiếu quỹ	1	85	0,00%
6	Tổ chức ngoài nước	1	17.500	0,03%
7	Cá nhân ngoài nước	1	74.100	0,14%
	Cộng	1.701	52.379.000	100,00%

(Cơ cấu cổ đông chốt danh sách đến thời điểm 28/02/2017)

Cổ đông lớn (nắm giữ lượng cổ phiếu $\geq 5\%$ vốn điều lệ)

Quỹ đầu tư & phát triển Bình Định (cổ đông Nhà nước) nắm giữ 17.460.755 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 33,34% vốn điều lệ.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016, trong điều kiện nền kinh tế nước ta với GDP năm 2016 tăng 6,21% so với năm 2015; tuy nhiên lĩnh vực sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu chỉ tăng 3,2%; vấn đề lạm phát được kiểm soát, tỷ giá và lãi suất tương đối ổn định, tạo nhiều cơ hội tiếp cận nguồn vốn cho các doanh nghiệp chủ động mở rộng phát triển sản xuất; các chính sách quản lý vĩ mô ngày càng được cải thiện và phù hợp với môi trường kinh doanh, đặc biệt với các doanh nghiệp trong nước... Ban điều hành công ty đã nỗ lực làm việc, quyết tâm và đã có những quyết định quản lý linh hoạt, kịp thời để phát triển sản xuất, giữ vững được thị trường, đảm bảo ổn định kinh doanh trong điều kiện khó khăn nhất. Kết quả kinh doanh về cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông thường niên giao; gia tăng lợi ích cho các cổ đông đồng thời đảm bảo đời sống người lao động. Hội đồng quản trị công ty đánh giá cao kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2016 của Ban Tổng giám đốc.

Theo đó các giải pháp điều hành chủ yếu nổi bật trong năm 2016 theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành đã thực hiện được: đầu tư nghiên cứu khoa học tăng cường năng lực cạnh tranh, phát triển mở rộng thị trường, tiết giảm tối đa chi phí, rà soát xây dựng lại cơ chế kinh doanh bám sát nhu cầu của từng vùng thị trường, tổ chức phân tích thường xuyên tình hình tài

chính, công tác quản trị ngày càng nề nếp và cung cấp thông tin kịp thời chính xác cho việc ra các quyết định quản lý,... Ngoài ra, việc tăng cường giám sát, quản lý, ban hành lại các định mức kinh tế kỹ thuật đối với từng đơn vị, tăng cường công tác quản lý nợ, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả kinh doanh.

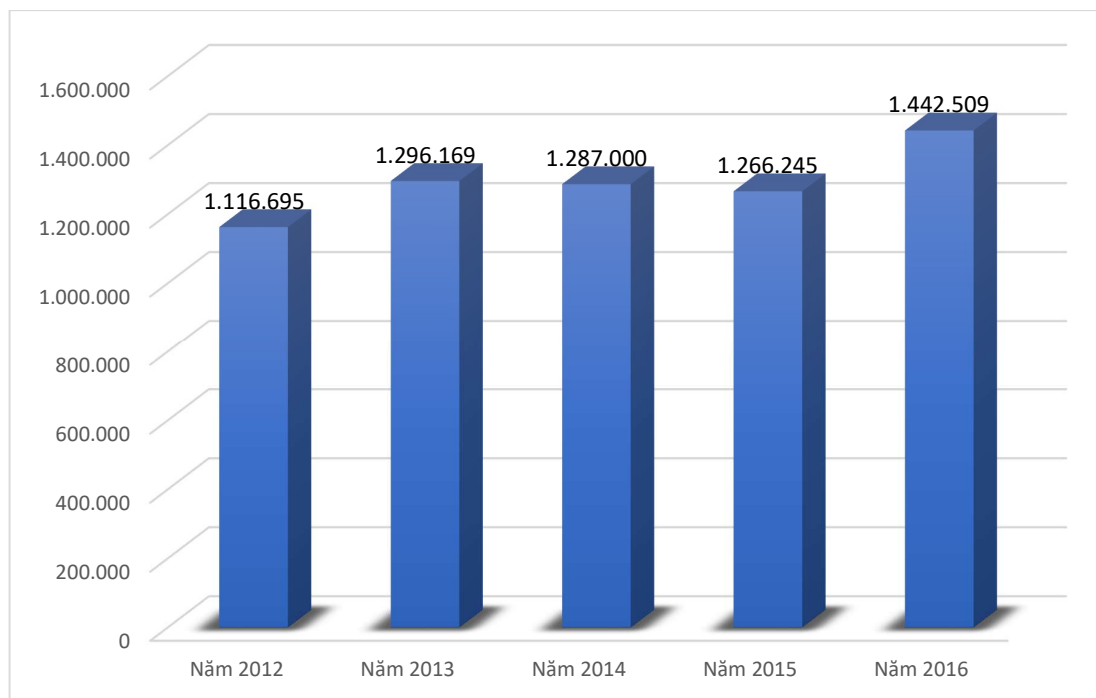
Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc công ty đã thực hiện tương đối tốt vai trò nhiệm vụ được phân công, triệt để đề cao trách nhiệm cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên và đồng thời cũng thể hiện tính minh bạch, thống nhất trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chung của toàn công ty.

Với những bước đi đúng định hướng, năm qua công ty về cơ bản đã vượt qua những khó khăn và hoàn thành tương đối các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

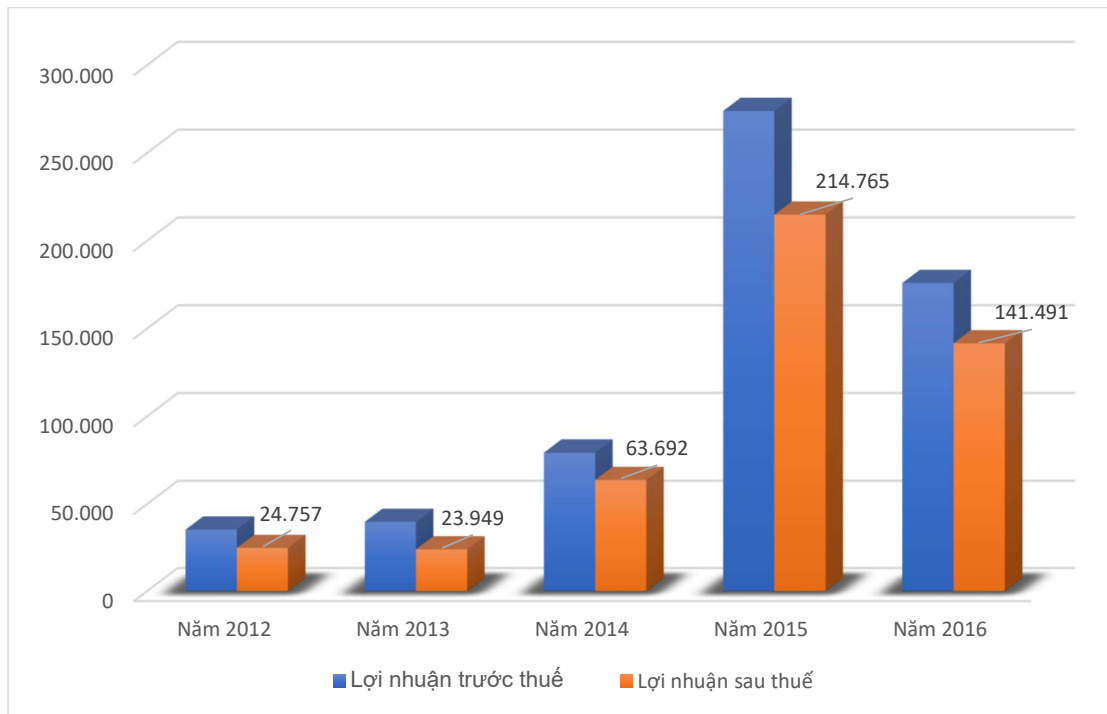
Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Doanh thu	1.162.695	1.296.169	1.287.000	1.266.245	1.442.509
2	Lợi nhuận trước thuế	35.279	39.701	79.269	273.855	175.881
3	Lợi nhuận sau thuế	24.757	23.949	63.692	214.765	141.491

Biểu đồ tăng trưởng doanh thu giai đoạn 2012 – 2016



Biểu đồ tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn 2012 - 2016



2. Tình hình tài chính

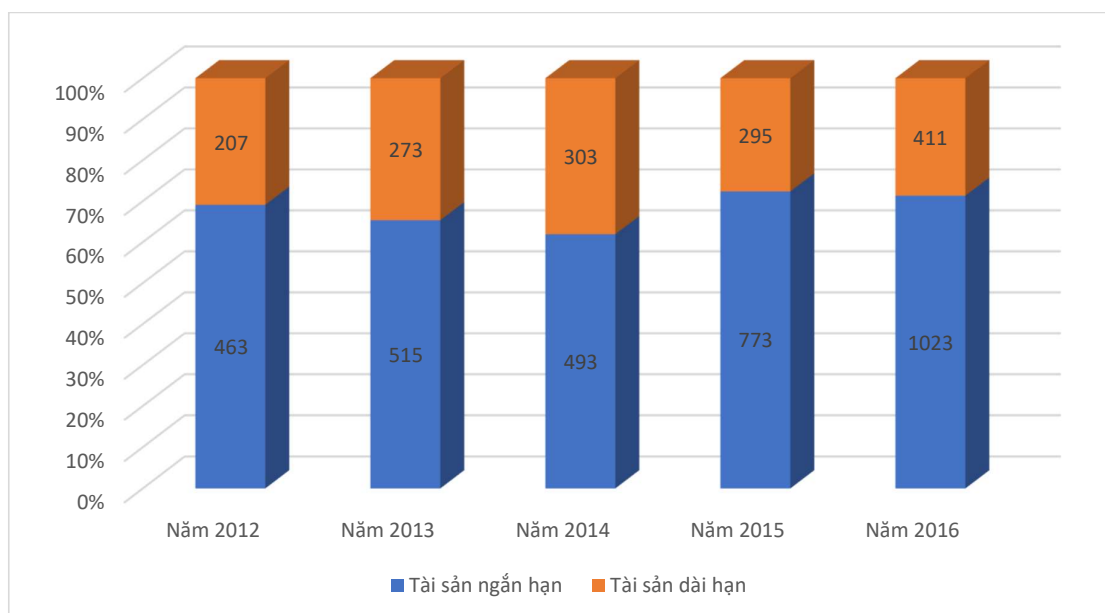
a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm tăng 34% so với năm 2015 (tương đương 366 tỷ đồng).

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng
	Cơ cấu tài sản	670		788		796		1.068		1.434	
1	Tài sản ngắn hạn	463	69%	515	65%	493	62%	773	72%	1023	71%
2	Tài sản dài hạn	207	31%	273	35%	303	38%	295	28%	411	29%

Biểu đồ biến động tình hình tài sản giai đoạn 2012 - 2016



Tài sản tăng chủ yếu là do việc đầu tư thêm các dây chuyền thiết, đầu tư tài chính ngắn hạn.

Về hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị: Hiệu suất sử dụng bình quân cả Công ty đạt 60% công suất thiết kế. Hiệu suất này là hợp lý và nằm trong kế hoạch kinh doanh dài hạn của Công ty.

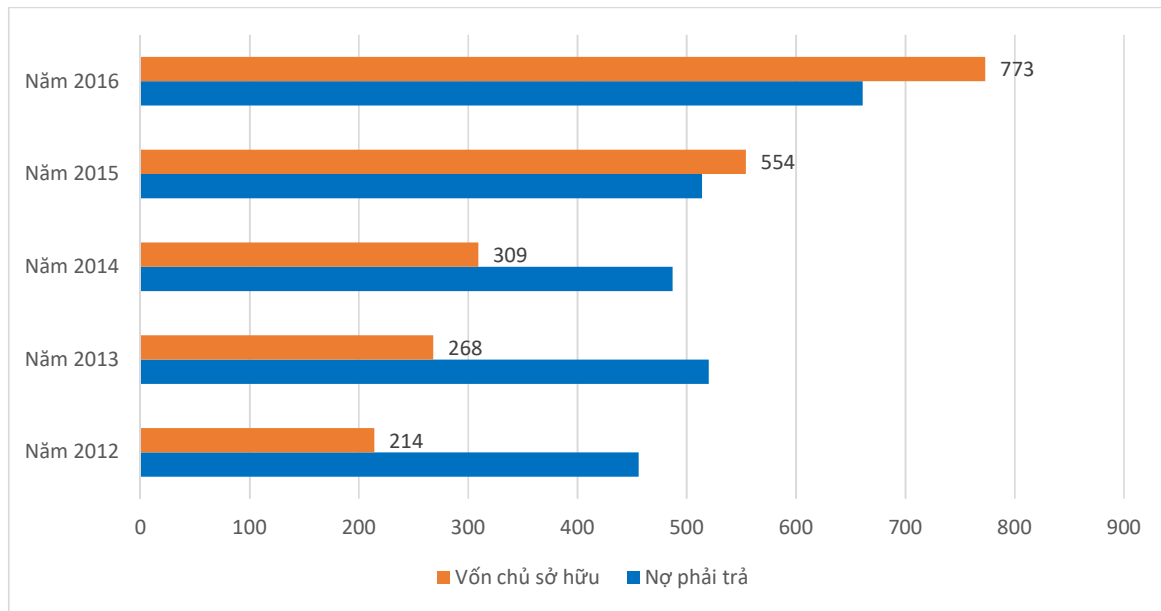
b) Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả chiếm 46% và vốn chủ sở hữu chiếm 54% tổng nguồn vốn của Công ty.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
		Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng	Trị giá	Tỷ trọng
	Cơ cấu nguồn vốn	670		788		796		1.068		1.434	
1	Nợ phải trả	456	68%	520	66%	487	61%	514	48%	661	46%
2	Vốn chủ sở hữu	214	32%	268	34%	309	39%	554	52%	773	54%

Biểu đồ cơ cấu nguồn vốn chủ sở hữu giai đoạn 2012 - 2016



3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a) Cơ cấu tổ chức

Sáp nhập 02 Chi nhánh Bidiphar huyện Phù Mỹ và huyện Hoài Ân vào Chi nhánh Bidiphar Hoài Nhơn.

Thành lập mới 03 Chi nhánh Bidiphar ngoài tỉnh tại: Thanh Hóa, Hải Phòng, Phú Thọ.

b) Chính sách và quản lý

Hệ thống bán hàng

Triển khai công tác bán hàng một cách chuyên nghiệp và chủ động hơn. Xây dựng kế hoạch bán hàng chi tiết cho từng kỳ đến từng nhân viên bán hàng.

Thành lập nhóm chuyên trách phát triển bán hàng thuốc điều trị ung thư ở 3 khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Đồng thời triển khai nghiên cứu phát triển kênh thực phẩm chức năng.

Thành lập 03 chi nhánh ngoài tỉnh: chi nhánh Bidiphar Thanh Hóa, Hải Phòng, Phú Thọ. Hoàn thành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chi nhánh Khánh Hòa.

Hệ thống quản lý chất lượng

Năm 2016 Bidiphar tiếp tục duy trì thành công việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

Hoàn thành tái đánh giá GMP năm 2016.

Triển khai các hoạt động quản lý chất lượng trên SAP.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển, tạo nhóm danh mục sản phẩm đảm bảo tính cạnh tranh cao.

Đánh giá và tối ưu hóa danh mục sản phẩm hiện có.

Tiếp tục phân tích, đánh giá mở rộng hệ thống phân phối trong nước và thị trường xuất khẩu.

5. Báo cáo phát triển bền vững

a) Cam kết với các bên liên quan

Với người tiêu dùng	Cung cấp những sản phẩm có chất lượng tốt và đảm bảo an toàn. Đa dạng hóa sản phẩm và tạo ra những giá trị nâng cao tác dụng trong điều trị Sản phẩm được phân phối với mức giá phù hợp.
Với cổ đông	Đảm bảo cho các cổ đông một khoản đầu tư an toàn, sinh lợi một cách bền vững.
Với nhà nước	Tuân thủ chính sách, quy định nhà nước về thuế và các nghĩa vụ liên quan.
Với nhân viên	Đảm bảo việc làm ổn định, môi trường làm việc an toàn, phát triển bản thân và thu nhập ngày càng tăng.
Với cộng đồng	Có trách nhiệm chia sẻ và chung tay phát triển cộng đồng.

Với cam kết đó, năm 2016, đánh dấu một bước phát triển mới của Bidiphar cũng như các bên liên quan trong định hướng phát triển bền vững mà Công ty đã đặt ra.

b) Kinh tế

Giá trị mang lại cho các bên liên quan

Bên liên quan	Giá trị	
Cổ đông	Cổ tức	78 tỷ đồng
Nhà nước	Tiền thuế nộp NSNN	67 tỷ đồng
Cộng đồng	Hỗ trợ cộng đồng	02 tỷ đồng

c) **Môi trường**

Là doanh nghiệp sản xuất dược phẩm về nguyên tắc phải tuân thủ yêu cầu nghiêm ngặt về sản xuất của tổ chức WHO. Tuy nhiên Bidiphar cũng định hướng việc trở thành doanh nghiệp xanh, sạch và tuân thủ các vấn đề bảo vệ môi trường và tiết kiệm tài nguyên.

Hệ thống nhà xưởng của Bidiphar đã đạt tiêu chuẩn GMP WHO do Cục Quản lý Dược Việt nam chứng nhận.

Tất cả các dự án đầu tư mới của Bidiphar đều được các tổ chức kiểm tra và đánh giá tác động môi trường trước khi thực thi.

Xây dựng khuôn viên cây xanh, hệ thống đường nội bộ sạch đẹp tạo cảnh quan thẩm mỹ trong toàn doanh nghiệp.

d) **Người lao động**

Luôn tuân thủ phương châm lấy nguồn nhân lực làm yếu tố quyết định của mọi sự phát triển. Bidiphar luôn chú trọng xây dựng chính sách và môi trường làm việc phù hợp, hiện đại nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, cống hiến của mình. Thực hiện các chương trình thu hút nhân tài đi kèm với chính sách đãi ngộ hấp dẫn; kết hợp với hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực hiện có.

e) **Cộng đồng địa phương**

Hoạt động xã hội

Trong năm qua, Công ty đã có nhiều hoạt động xã hội đầy ý nghĩa, đi đầu trong các hoạt động công ích xã hội với tổng kinh phí hơn 2 tỷ đồng, trong đó có các hoạt động tiêu biểu như:

- ✓ Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Cục thuế Bình Định tổ chức chương trình tặng quà cho học sinh nghèo vượt khó tại xã Mỹ Chánh và Mỹ Thành;
- ✓ Tổ chức chương trình “Bếp Cháo Yêu Thương 2016” định kỳ hàng tháng tại các Bệnh viện và Trung tâm y tế trong tỉnh. Mỗi lần cấp phát hơn 300 suất cháo cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại các bệnh viện.
- ✓ Tổ chức chương trình cứu trợ lũ lụt trong đợt lũ lớn cuối năm 2016 tại tỉnh Bình Định gồm tiền và hiện vật hơn 400 triệu đồng, góp phần hỗ trợ người dân tỉnh nhà giảm bớt khó khăn, khắc phục hậu quả do lũ lụt gây ra, nhanh chóng ổn định cuộc sống.

- ✓ Ủng hộ quỹ từ thiện hỗ trợ người nghèo tỉnh Bình Định; triển khai thăm tặng quà cho gia đình chính sách, Mẹ Việt Nam anh hùng nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27/7.

Hoạt động Đảng, đoàn thể

Đảng bộ Công ty đã lãnh đạo tốt việc triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội công nhân viên chức hàng năm. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết Đại hội công nhân viên chức năm 2016 đều tăng đáng kể. Thực hiện tốt các mục tiêu cổ phần hóa, đảm bảo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Thực hiện đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ sâu rộng trong toàn đơn vị. Không để xảy ra đơn thư khiếu nại tố cáo, không có vi phạm pháp luật, không xảy ra tai nạn lao động nào. Năm 2016 Đảng bộ Công ty đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh, 100% đảng viên đạt đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Ban Chấp hành Công đoàn thường xuyên chỉ đạo các cấp công đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phát triển tổ chức công đoàn và đoàn viên, làm tốt công tác tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước trong cán bộ, đảng viên và CNV lao động. Không để xảy ra tình trạng biểu tình, lãn công, đơn thư khiếu kiện..

Đoàn thanh niên Công ty thường xuyên phối hợp với Đảng ủy cho cán bộ, đoàn viên thanh niên tham gia học tập Nghị quyết của Đảng; phối hợp với các cấp chính quyền làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đoàn viên thanh niên nâng cao hiểu biết và ý thức tôn trọng, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, nội quy, kỷ luật của công ty. Tham gia tích cực các hoạt động xung kích do Tỉnh đoàn, Đoàn khối phát động như: tháng thanh niên, thanh niên tình nguyện hè, chương trình hiến máu nhân đạo... đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

6. Báo cáo quản trị rủi ro

Bidiphar hoạt động sản xuất kinh doanh phạm vi nhiều ngành, nhiều lĩnh vực và địa bàn hoạt động rộng cả trong và ngoài nước, nguồn nguyên liệu chưa chủ động phần lớn đều nhập khẩu từ nước ngoài,... do đó sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ gắn liền với đặc điểm, điều kiện kinh tế, chính trị từng ngành, lĩnh vực hoạt động hay từng vùng lãnh thổ. Nguyên tắc quản trị rủi ro phải được xác định ngay từ đầu để có chính sách quản trị hiệu quả, nhằm giảm thiểu những thiệt hại. Có thể định hình các rủi ro có khả năng xảy ra:

a) Rủi ro từ hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh trong thời kỳ hiện tại luôn hiện hữu việc cạnh tranh gay gắt với các đối thủ, nhất là trong lĩnh vực dược phẩm, cả đối thủ trong nước lẫn đối thủ đến từ bên ngoài. Chúng ta luôn phải đối mặt với rủi ro thua kém năng lực cạnh tranh với các đối thủ do giảm sút năng lực cạnh tranh từ một khía cạnh nào đó. Bidiphar luôn chú trọng đánh giá phân tích đối thủ cạnh tranh trên mọi phương diện: sản xuất, kinh doanh, tài chính, sản phẩm, thị trường và thời điểm nhằm đưa ra quyết sách đúng đắn trong kinh doanh tại mỗi thời điểm. Đồng thời khi định hướng chiến lược phải đưa ra được chiến lược ngắn hạn, dài hạn và có chính sách tiên phong phát triển sản phẩm/dịch vụ đặc thù có lợi thế nhằm giảm áp lực cạnh tranh.

b) Rủi ro tài chính

Đây là chuỗi các rủi ro về tài chính, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về dòng tiền,... mà chúng ta sẽ phải đối mặt khi bắt đầu thực hiện kinh doanh. Những rủi ro này dẫn đến các hệ lụy giảm hiệu quả kinh doanh khi tỷ giá, lãi vay tăng hoặc gia tăng áp lực tài chính về dòng tiền khi mất cân đối dòng tiền. Nhằm bắt những bất ổn về chính sách tiền tệ trong khi nền kinh tế chưa phát triển, Bidiphar đã chủ động hoạch định cân bằng các yếu tố tài chính với năng lực hiện tại, chủ động khai thác các nguồn vốn nhằm bù đắp các rủi ro tài chính (thực hiện huy động dài hạn từ CBCNV), tăng vòng quay đồng vốn nhằm tăng tính thanh khoản của hoạt động,....

c) Rủi ro phát sinh trong hoạt động đầu tư

Bidiphar xác định hoạt động đầu tư là tiền đề của sự đổi mới, do đó công tác đầu tư được đánh giá ở vị trí ưu tiên trong định hướng chiến lược hay trong mỗi kế hoạch ngắn hạn của công ty. Rủi ro về đầu tư thiếu hiệu quả sẽ dẫn đến thất thoát về vốn và giảm hiệu quả kinh doanh. Do đó ngay từ khi phát sinh các dự án đầu tư đều được đánh giá một cách kỹ lưỡng từ đề xuất đầu tư cho đến khi mô xê phân tích toàn diện các dự án tiềm khả thi, dự án khả thi và thông qua Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định cuối cùng.

d) Rủi ro về chính sách vĩ mô

Các chính sách vĩ mô (trong nước và ngoài nước) đều có ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế và tác động mạnh mẽ đến chính sách/kế hoạch kinh doanh của mỗi một thành viên hoạt động trong nền kinh tế đó. Nền kinh tế Việt nam còn chưa mạnh, các chính sách tài chính, tiền tệ, chính sách về chuyên môn ngành đặc thù vẫn tiềm ẩn nhiều sự thay đổi. Rủi ro lạm phát luôn hiện hữu. Chính sách điều hành còn chưa nhất quán và thiếu tính định hướng cho doanh nghiệp. Đối với

những bất cập/rủi ro do chính sách vĩ mô, Bidiphar luôn xác định tìm mọi biện pháp thật sự linh hoạt, chủ động để thích ứng. Tích cực theo dõi sát sao, nắm bắt tốt nhất các định hướng dài hạn, cơ bản của chính sách nhằm có được cái nhìn tổng thể để xây dựng chính sách kinh doanh đúng đắn cho riêng mình.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2016, HĐQT đã tập trung thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 đã biểu quyết thông qua. Trong đó ưu tiên cao nhất việc triển khai thực hiện các định hướng chiến lược trong năm 2016 và giai đoạn 2016-2020, đồng thời cùng Ban điều hành công ty thực hiện đánh giá và góp ý các hoạt động trong công tác điều hành về các mặt: đầu tư, tài chính, thị trường, bán hàng, nguồn nhân lực, sản xuất, chất lượng đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD.

Các nội dung cụ thể về hoạt động của HĐQT bao gồm:

➤ Các nội dung cụ thể đã thực hiện trong năm 2016

- Trong năm 2016, HĐQT đã tập trung thực hiện đầy đủ các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 đã biểu quyết thông qua. Trong đó ưu tiên cao nhất việc triển khai thực hiện các định hướng chiến lược trong năm 2016 và giai đoạn 2016-2020, đồng thời cùng Ban điều hành Công ty thực hiện đánh giá và góp ý các hoạt động trong công tác điều hành về các mặt: đầu tư, tài chính, thị trường, chính sách, nguồn nhân lực, sản xuất, chất lượng; đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD.
- Hoạt động tái cơ cấu và phát triển mở rộng hệ thống phân phối:
 - ✓ Sáp nhập 02 Chi nhánh Bidiphar huyện Phù Mỹ và huyện Hoài Ân vào Chi nhánh Bidiphar Hoài Nhơn.
 - ✓ Thành lập mới 03 Chi nhánh Bidiphar ngoài tỉnh tại: Thanh Hóa, Hải Phòng, Phú Thọ.

➤ Các nội dung dở dang tiếp tục triển khai trong năm tới

- Phê duyệt phương án thiết kế, xây dựng nhà máy và mua sắm thiết bị sản xuất cho các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ.
- Tiếp tục triển khai mở rộng hệ thống phân phối tại các tỉnh khu vực phía Nam, đầu tư xây dựng văn phòng tại các Chi nhánh: Đà Nẵng, Quảng Trị, Nghệ An và Hải Phòng.

- Đầu tư nâng cấp các Phân xưởng sản xuất nhằm nâng cao công suất và gia tăng chất lượng sản phẩm.
- Đầu tư ứng dụng CNTT vào công tác quản trị doanh nghiệp hiệu quả.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Năm 2016, tình hình kinh tế nước ta có nhiều chuyển biến tích cực, vấn đề lạm phát đã được kiểm soát, tỷ giá và lãi suất tương đối ổn định, tạo nhiều cơ hội tiếp cận nguồn vốn cho các doanh nghiệp chủ động mở rộng phát triển sản xuất; các chính sách quản lý vĩ mô ngày càng được cải thiện và phù hợp với môi trường kinh doanh, đặc biệt với các doanh nghiệp trong nước,... GDP cả nước năm 2016 tăng 6,21% so với năm 2015; tuy nhiên lĩnh vực sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu chỉ tăng 3,2%. Trước tình hình trên, Ban Lãnh đạo Công ty đã thể hiện quyết tâm cao độ, nỗ lực làm việc và đã có những quyết định quản lý linh hoạt, kịp thời để phát triển sản xuất, giữ vững thị trường. Kết quả kinh doanh về cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội cổ đông thường niên giao; gia tăng lợi ích cho các cổ đông đồng thời đảm bảo đời sống người lao động. Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao kết quả điều hành sản xuất kinh doanh năm 2016 của Ban Tổng giám đốc.

Theo đó các giải pháp điều hành chủ yếu nổi bật trong năm 2016 dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành đã thực hiện được: đầu tư nghiên cứu khoa học tăng cường năng lực cạnh tranh, phát triển mở rộng thị trường, tiết giảm tối đa chi phí, rà soát xây dựng lại cơ chế, chính sách kinh doanh bám sát nhu cầu của từng vùng thị trường, tổ chức phân tích thường xuyên tình hình tài chính, công tác quản trị ngày càng nề nếp và cung cấp thông tin kịp thời chính xác cho việc ra các quyết định quản lý,... Ngoài ra, việc tăng cường giám sát, quản lý, ban hành lại các định mức kinh tế kỹ thuật đối với từng đơn vị, tăng cường công tác quản lý nợ, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện tương đối tốt vai trò nhiệm vụ được phân công, triệt để đề cao trách nhiệm cá nhân khi thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên và đồng thời cũng thể hiện tính minh bạch, thống nhất trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chung của toàn Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Từ việc nghiên cứu khả năng và phân tích hiện trạng chung của công ty, HĐQT đưa ra một số các định hướng chiến lược trong giai đoạn tới như sau:

- Tiếp tục lấy việc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ làm nền tảng cho việc phát triển Công ty.
- Tập trung phát triển hệ thống phân phối mạnh và bền vững, chiếm lĩnh thị phần nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh.
- Tiếp tục Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thuốc trị ung thư theo tiêu chuẩn GMP-PIC/S tại Khu kinh tế Nhơn Hội.
- Thực hiện Dự án đầu tư mới Dây chuyền sản xuất thuốc Cephalosporin theo tiêu chuẩn GMP-PIC/S.
- Xây dựng hệ thống đánh giá và trả lương thích hợp cho người lao động nhằm kiện toàn bộ máy nhân sự. Trong đó chú trọng xây dựng các chính sách đãi ngộ thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao.
- Tiếp tục cải tiến hệ thống chất lượng theo hướng: Cải tiến các quy trình thủ tục đơn giản, thiết thực, cập nhật các quy định mới của GPs; ISO 2001-2015. Thực hành tốt GPs, sẵn sàng cho việc chứng nhận chuyển đổi phiên bản ISO 2015; đánh giá dây chuyền mới và tái đánh giá GMP năm 2019 theo PICs.
- Hoàn thiện và nâng cao công tác Quản trị doanh nghiệp thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin..

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty được thành lập có 07 thành viên, trong đó cơ cấu thành viên HĐQT độc lập có 02 thành viên, theo đúng quy định của Thông tư 121 và Điều lệ Công ty.

Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

Năm 2016, HĐQT đã tiến hành 18 cuộc họp trực tiếp để giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT. Ban hành 10 Nghị quyết và 27 Quyết định. Biên bản, Quyết định và Nghị quyết HĐQT được gửi đầy đủ cho các thành viên HĐQT, BKS. Các cuộc họp HĐQT đều có mời Ban kiểm soát tham dự họp để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các chiến lược, định hướng kinh doanh.

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1.	442/QĐ-HĐQT	01/02/2016	Thành lập Chi nhánh Bidiphar Thanh Hóa
2.	443/QĐ-HĐQT	01/02/2016	Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Cảnh làm Giám đốc Chi nhánh Thanh Hóa

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
3.	446/NQ-HĐQT	19/02/2016	Chi trả cổ tức năm 2015
4.	533/QĐ- HĐQT	07/03/2016	Sử dụng mẫu dấu tròn pháp nhân của Chi nhánh Thanh Hóa
5.	537/QĐ- HĐQT	16/03/2016	Điều động và bổ nhiệm ông Huỳnh Ngọc Tuấn giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Bidiphar Cần Thơ
6.	567/QĐ-HĐQT	28/03/2016	Chi trả tiền thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đợt 01 năm 2015
7.	568/QĐ-HĐQT	28/03/2016	Chi thưởng Ban quản lý điều hành đợt 01 năm 2015
8.	691/QĐ-HĐQT	28/04/2016	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Bidiphar huyện Phù Mỹ (Thời gian chấm dứt kể từ ngày 01/05/2016)
9.	692/QĐ-HĐQT	28/04/2016	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh Bidiphar huyện Hoài Ân (Thời gian chấm dứt kể từ ngày 01/05/16)
10.	725/QĐ-HĐQT	01/05/2016	Sáp nhập Chi nhánh Bidiphar Hoài Ân và Chi nhánh Bidiphar Phù Mỹ vào Chi nhánh Bidiphar Hoài Nhơn
11.	735/QĐ-HĐQT	05/05/2016	Giao đơn giá tiền lương năm 2016
12.	746/NQ-HĐQT	07/05/2016	Triển khai phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ
13.	748/NQ-HĐQT	07/05/2016	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
14.	801/QĐ-HĐQT	16/05/2016	Thành lập Chi nhánh Bidiphar tại Hải Phòng
15.	802/QĐ-HĐQT	16/05/2016	Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Minh giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Bidiphar Hải Phòng
16.	857/QĐ- HĐQT	28/05/2016	Bổ nhiệm ông Hồ Văn Định giữ chức vụ Quản đốc Phân xưởng Cơ điện, kể từ ngày 01/06/2016
17.	858/QĐ- HĐQT	28/05/2016	Bổ nhiệm bà Tạ Thị Thúy Hương giữ chức vụ Trưởng phòng Quản lý chất lượng, kể từ ngày 01/06/2016
18.	859/QĐ- HĐQT	28/05/2016	Bổ nhiệm ông Trần Đình Khải giữ chức vụ Trưởng phòng Kiểm nghiệm, kể từ ngày 01/06/2016
19.	861/NQ-HĐQT	28/05/2016	Thông qua tiêu chuẩn và danh sách người lao động được lựa chọn tham gia chương trình phát hành cổ phiếu
20.	862/NQ-HĐQT	28/05/2016	Thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu
21.	946/NQ-HĐQT	16/06/2016	Thông qua phương án thành lập Công ty con 100% vốn Bidiphar hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ
22.	1069/QĐ-HĐQT	01/08/2016	Thành lập Công ty TNHH MTV Bidiphar Công nghệ cao
23.	1070/QĐ-HĐQT	01/08/2016	Bổ nhiệm ông Mai Tông Ba giữ chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Bidiphar Công nghệ cao
24.	1079/QĐ-HĐQT	01/08/2016	Bầu chức danh Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bidiphar Công nghệ cao
25.	1084/NQ-HĐQT	13/08/2016	Gia hạn thời gia thực hiện chuyển nhượng quyền mua và thời gian nộp tiền mua cổ phần phát hành thêm của cổ đông hiện hữu từ ngày 08/8/2016 đến ngày 01/9/2016 và thời gian nộp tiền mua từ ngày 08/8/2016 đến ngày 09/8/2016
26.	1110/QĐ-HĐQT	20/08/2016	Thành lập Chi nhánh Bidiphar Phú Thọ
27.	1111/QĐ-HĐQT	20/08/2016	Bổ nhiệm ông Huỳnh Xuân Hoa giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Bidiphar Phú Thọ
28.	1212/NQ-HĐQT	12/09/2016	Xử lý số lượng cổ phần chưa phân phối hết
29.	1226/NQ-HĐQT	15/09/2016	Thông qua chức danh Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bidiphar Betalactam
30.	1227/QĐ-HĐQT	15/09/2016	Thành lập Công ty TNHH MTV Bidiphar Betalactam

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
31.	1228/QĐ-HĐQT	15/09/2016	Bổ nhiệm ông Hà Văn Cường giữ chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Bidiphar Betalactam
32.	1229/QĐ-HĐQT	15/09/2016	Bầu chức danh Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bidiphar Non-Betalactam
33.	1230/QĐ-HĐQT	15/09/2016	Thành lập Công ty TNHH MTV Bidiphar Non-Betalactam
34.	1231/QĐ-HĐQT	15/09/2016	Bổ nhiệm ông Bạch Hồng giữ chức vụ Giám đốc Công ty TNHH MTV Bidiphar Non-Betalactam
35.	1386/NQ-HĐQT	20/10/2016	Lựa chọn giao dịch chứng khoán
36.	1738/QĐ-HĐQT	09/12/2016	Chi thưởng Ban quản lý điều hành đợt 02 năm 2015
37.	1739/QĐ-HĐQT	09/12/2016	Chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS đợt 02 năm 2015

- Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của HĐQT:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch	18	100%
2	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch	18	100%
3	Ông Nguyễn Thanh Giang	Thành viên	18	100%
4	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên	18	100%
5	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên	18	100%
6	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên độc lập	18	100%
7	Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên độc lập	18	100%

2. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Kiểm soát đã có những ý kiến đóng góp thiết thực về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy chế Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2016 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016.
- Kiểm soát báo cáo tài chính, báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ.

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban Kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành của Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

Kết quả kiểm soát, kiểm tra và giám sát của Ban kiểm soát trong năm 2016:

➤ ***Về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành***

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được cung cấp đầy đủ cho Ban Kiểm soát, nội dung các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Trên cơ sở các chỉ tiêu năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã định hướng và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực thi nhiều giải pháp mang tính chiến lược trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, tài chính, quản lý rủi ro, đầu tư xây dựng cơ bản nhằm đạt mức doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định và định hướng của Hội đồng Quản trị công ty.

Với những định hướng đúng đắn và chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, cùng với việc tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc đã tạo nên kết quả kinh doanh năm 2016 của công ty đạt kế hoạch mà Đại Hội Cổ đông đã biểu quyết thông qua cụ thể là doanh thu vừa đạt kế hoạch, tổng lợi nhuận vượt 17%; trong đó lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính vượt 14%.

➤ ***Về công tác phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành***

Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các góp ý của Ban Kiểm soát được Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc quan tâm và thực hiện hợp lý.

Các thông tin, tài liệu cuộc họp, biên bản, nghị quyết của Hội đồng Quản trị được cung cấp đầy đủ, kịp thời đến Ban kiểm soát.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực thi có hiệu quả chức năng kiểm soát của mình.

Các đơn vị trực thuộc, phòng ban của Bidiphar tích cực hợp tác, hỗ trợ Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ với mục đích góp phần nâng cao chất lượng công tác quản trị, phòng ngừa rủi ro, đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

➤ **Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đã đề ra.

➤ **Về công tác kế toán tài chính**

Công ty tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Số liệu trên báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty đã được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Báo cáo tài chính đã kiểm toán được công bố thông tin kịp thời và đúng quy định đến các cổ đông và nhà đầu tư.

3. Các giao dịch nội bộ, thù lao HĐQT, BKS

(*) Giao dịch cổ đông nội bộ: Không phát sinh giao dịch

(*) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh giao dịch

Thù lao HĐQT, BKS

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số tiền (đ)
1	Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám Đốc	242.000.000
2	Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc	206.000.000
3	Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc	190.000.000
4	Huỳnh Ngọc Oanh	Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám Đốc	190.000.000
5	Nguyễn Thị Mai Hoa	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng	190.000.000
6	Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên HĐQT	90.000.000
7	Nguyễn Thị Mai Anh	Thành viên HĐQT	60.000.000
8	Nguyễn Thị Hằng Nga	Trưởng ban kiểm soát	95.000.000
9	Huỳnh Thế Duy	Thành viên BKS	73.000.000
10	Trình Phương Mai	Thành viên BKS	40.000.000
Tổng cộng			1.376.000.000

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Giang	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Trưởng ban
Ông Huỳnh Thế Duy	Thành viên
Bà Trình Phương Mai	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Quá	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2017, từ trang 4 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Đình Từ

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1178-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

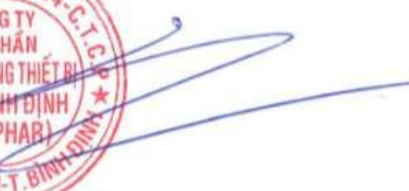
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.023.140.020.557	772.566.356.477
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	135.548.882.234	210.691.770.915
1. Tiền	111		63.048.882.234	53.691.770.915
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.500.000.000	157.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		274.112.393.300	110.001.393.300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.393.300	1.393.300
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	274.111.000.000	110.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		372.127.916.079	272.480.717.129
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		319.406.083.735	255.394.156.873
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		57.615.319.272	30.333.859.132
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		585.608.788	727.446.288
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.214.722.898	4.868.639.231
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(13.693.818.614)	(18.843.384.395)
IV. Hàng tồn kho	140	9	231.119.057.042	174.194.094.594
1. Hàng tồn kho	141		231.119.057.042	174.194.094.594
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.231.771.902	5.198.380.539
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	6.417.269.413	4.074.484.027
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.814.502.489	787.361.125
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	336.535.387
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		411.119.933.526	295.366.841.171
I. Tài sản cố định	220		235.764.715.145	168.267.550.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	182.482.309.032	125.594.233.461
- Nguyên giá	222		388.916.546.512	304.474.710.086
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.434.237.480)	(178.880.476.625)
2. Tài sản vô hình	227	12	53.282.406.113	42.673.317.293
- Nguyên giá	228		56.427.377.200	44.077.530.900
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.144.971.087)	(1.404.213.607)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		31.104.990.452	21.415.993.585
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	31.104.990.452	21.415.993.585
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		132.061.539.733	102.066.301.514
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	115.552.987.826	92.868.048.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	16.508.551.907	16.508.551.907
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(7.310.298.393)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		12.188.688.196	3.616.995.318
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	12.188.688.196	3.616.995.318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.434.259.954.083	1.067.933.197.648

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		661.230.683.709	513.788.543.129
I. Nợ ngắn hạn	310		612.156.084.540	482.088.746.871
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	249.650.094.189	151.671.710.228
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.551.342.291	15.068.433.475
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	23.567.266.012	28.588.905.096
4. Phải trả người lao động	314		70.359.021.189	53.490.474.804
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	114.865.053.043	80.964.800.872
6. Vay ngắn hạn	320	19	74.721.502.117	86.689.211.008
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	72.441.805.699	65.615.211.388
II. Nợ dài hạn	330		49.074.599.169	31.699.796.258
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	21	49.074.599.169	31.699.796.258
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		773.029.270.374	554.144.654.519
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	742.684.012.724	554.144.654.519
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		523.790.000.000	419.182.790.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		523.790.000.000	419.182.790.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.921.442.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.944.812.218	28.242.535.173
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		156.027.758.506	106.719.329.346
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		125.990.185.480	6.272.621.601
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		30.037.573.026	100.446.707.745
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	23	30.345.257.650	-
1. Nguồn kinh phí	431		22.676.735.834	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		7.668.521.816	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.434.259.954.083	1.067.933.197.648


Lê Thị Diệu Loan
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng

 Nguyễn Văn Quá
 Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.442.509.289.677	1.266.145.619.658
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		57.607.455.139	41.077.582.725
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	1.384.901.834.538	1.225.068.036.933
4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	27	875.702.436.851	773.076.920.489
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		509.199.397.687	451.991.116.444
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	16.213.594.465	17.714.871.417
7. Chi phí tài chính	22	30	9.102.527.699	15.816.122.703
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.498.013.037	5.447.775.250
8. Lợi nhuận từ công ty liên kết	24	14	10.724.382.085	-
9. Chi phí bán hàng	25	31	260.803.454.996	222.095.896.085
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	90.386.997.007	102.018.188.723
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		175.844.394.535	129.775.780.350
12. Thu nhập khác	31		223.438.352	144.141.603.638
13. Chi phí khác	32		186.788.596	61.872.556
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	33	36.649.756	144.079.731.082
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		175.881.044.291	273.855.511.432
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	34.389.506.357	59.090.007.555
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		141.491.537.934	214.765.503.877
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		141.491.537.934	214.765.503.877
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	2.789	4.500



Lê Thị Diệu Loan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	175.881.044.291	273.855.511.432
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	33.793.831.392	39.216.981.768
Các khoản dự phòng	03	(5.149.565.781)	25.788.018.605
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	305.753.275	(426.430.006)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.707.873.976)	(47.816.327.004)
Chi phí lãi vay	06	4.498.013.037	5.447.775.250
Các khoản điều chỉnh khác	07	17.000.000.000	12.000.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	200.621.202.238	308.065.530.045
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(94.864.570.333)	131.732.486.094
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(56.924.962.448)	31.206.107.569
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	110.018.251.689	(179.942.912.992)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.420.437.140)	64.463.687
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.498.013.037)	(5.447.775.250)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(42.250.007.555)	(57.700.405.331)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.046.154.281	46.761.590.801
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.241.335.232)	(12.885.550.613)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	114.486.282.463	261.853.534.010
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(115.314.455.117)	(41.474.397.227)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	773.177.726
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(164.111.000.000)	(110.000.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(685.700.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.146.000.000
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.178.431.082	14.499.025.676
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(266.247.024.035)	(134.741.893.825)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	125.528.652.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	46.679.579.730	88.830.702.168
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.647.288.621)	(117.389.681.863)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(36.637.738.950)	(26.803.960.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	76.923.204.159	(55.362.939.695)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(74.837.537.413)	71.748.700.490
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	210.691.770.915	138.943.070.425
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(305.351.268)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	135.548.882.234	210.691.770.915

Lê Thị Diệu Loan
Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2017

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một Thành viên do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định làm chủ sở hữu (100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259564 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 9 năm 2010. Từ tháng 3 năm 2014, Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty TNHH Một Thành viên sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100259564 sửa đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 3 năm 2014.

Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 01 tháng 01 năm 2015, sau khi sáp nhập Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1 vào Công ty. Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 6 ngày 25 tháng 10 năm 2016 cho việc tăng vốn điều lệ do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.147 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.127)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất dược phẩm, dược liệu
- Bán buôn dược phẩm, dược liệu; dụng cụ, vật tư ngành y tế
- Bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm
- Dịch vụ bảo quản thuốc; Dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc; Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Sản xuất muối I-ốt

- Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng
- Mua bán máy móc thiết bị y tế; Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng
- Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế
- Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát
- Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton
- In ấn
- Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc
- Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm
- Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết kiệm, hệ thống cung cấp ô xy, ni tơ phục vụ ngành y tế
- Sản xuất, mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Sản xuất, chế biến gỗ; Mua bán hàng nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ
- Khai thác và chế biến khoáng sản.

Hoạt động chính của công ty là sản xuất, mua bán hàng dược phẩm, dược liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, vật tư ngành y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Trong năm, Công ty đã phát hành thành công 10.460.721 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng để tăng vốn cổ phần. Số cổ phần này được bán cho các cổ đông hiện hữu và người lao động của Công ty. Mục đích của đợt phát hành là bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh và đầu tư thành lập các công ty khoa học công nghệ 100% vốn của Công ty như trình bày ở phần cấu trúc doanh nghiệp bên dưới.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các công ty con, công ty liên kết và các chi nhánh của Công ty như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Bidiphar Công nghệ cao	Tỉnh Bình Định	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty TNHH Bidiphar Non Betalactam	Tỉnh Bình Định	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty TNHH Bidiphar Betalactam	Tỉnh Bình Định	100	100	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

Trong năm 2016, các công ty con đang trong quá trình thuê đất và chuẩn bị xây dựng cơ sở hạ tầng.

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Tỉnh Bình Định	33,58	33,58	Khai thác, chế biến mủ cao su

Tên chi nhánh	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại thành phố Hồ Chí Minh	433/26 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đà Nẵng	76 Huỳnh Ngọc Huệ, Phường An Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
3. Trung tâm Cung ứng Thuốc và Mỹ phẩm Quy Nhơn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 365, Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Cần Thơ	Lô A3-3, A3-4, A3-5, Đường số 9, Khu nhà ở Nam Long (Đô thị mới Nam sông Cần Thơ), Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.
5. Chi nhánh Bidiphar Huyện Phù Cát - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 155, Quang Trung, Thị trấn Ngô Mây, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định
6. Chi nhánh Bidiphar Huyện Hoài Nhơn - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 212, Quang Trung, Thị trấn Bồng Sơn, Huyện Hoài Sơn, Tỉnh Bình Định.
7. Chi nhánh Bidiphar Huyện Tuy Phước - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Đường Trần Phú, Thị trấn Diêu Trì, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.
8. Chi nhánh Bidiphar Huyện Tây Sơn - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 176 Quang Trung, Thị trấn Phú Phong, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Thành phố Hà Nội	Số 1038, Đường Nguyễn Khoái, Tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

10. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Nghệ An	LKH 21 – Khu đô thị Vinaconex 9, Đại lộ Lê Nin, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
11. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đắk Lắk	Số 419 Khu Tái định cư, Phường Thành Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
12. Chi nhánh Bidiphar Thị xã An Nhơn - Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar)	Số 56 Nguyễn Sinh Sắc, Phường Bình Định, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.
13. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Quảng Trị	Số 06 Đường Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị.
14. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Quảng Ngãi	Số 202, Đường Nguyễn Trãi, Phường Nghĩa Lộ, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
15. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Khánh Hòa	18 Khu B, Số 2 Lê Hồng Phong, Phường Phước Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.
16. Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược – Trang thiết bị Y tế Bình Định (Bidiphar) tại Đồng Nai	J37, J38 Đường N4, KDC Liên Kế, KP 1, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
17. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Thanh Hóa	Số 23/124 Nguyễn Tĩnh, Phường Đông Hương, Tp Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
18. Chi nhánh Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) tại Hải Phòng	Lô 19N05 Đường Lê Duẩn, Phường Bắc Sơn, Quận Kiến An, Tp Hải Phòng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do các nghiệp vụ thành lập và đầu tư vào công ty con phát sinh trong năm 2016 nên đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay có thể không so sánh được với số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 53 không có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt

động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty mẹ thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư tài chính ngắn hạn và phải thu về cho vay ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Một số máy móc thiết bị được áp dụng mức khấu hao nhanh bằng hai lần mức khấu hao đường thẳng như trên, phù hợp với hướng dẫn của các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tài sản vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 - 8 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và chi phí trả trước khác. Tiền thuê đất trả trước sẽ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn thuê đất, sử dụng phương pháp đường thẳng. Chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân

bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng một năm đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

Chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị của hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Nếu hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng hàng hóa dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp Công ty trực tiếp cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với giá trị hợp lý của số hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số phải giảm giá, chiết khấu cho người mua được ghi nhận là doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ khi người mua đã nhận được hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc được chiết khấu, giảm giá theo quy định của chương trình.

Khi người mua đạt được các điều kiện theo quy định của chương trình, trường hợp bên thứ ba có nghĩa vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ miễn phí hoặc chiết khấu, giảm giá cho người mua: Nếu hợp đồng giữa Công ty và bên thứ ba đó không mang tính chất hợp đồng đại lý, khi bên thứ ba thực hiện việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ, chiết khấu giảm giá, khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển sang doanh thu

bán hàng, cung cấp dịch vụ. Nếu hợp đồng mang tính chất đại lý, chỉ phần chênh lệch giữa khoản doanh thu chưa thực hiện và số tiền phải trả cho bên thứ ba mới được ghi nhận là doanh thu. Số tiền thanh toán cho bên thứ ba được coi như việc thanh toán khoản nợ phải trả.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Tiền mặt	986.809.868	869.426.415
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.062.072.366	52.822.344.500
Các khoản tương đương tiền	72.500.000.000	157.000.000.000
	<u>135.548.882.234</u>	<u>210.691.770.915</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ một tháng đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định từ 4,6%/năm đến 5,4%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên ba tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại trong nước. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định từ 5,2%/năm đến 6%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Tạm ứng mua hàng hoá, dịch vụ	1.222.952.186	1.104.451.972
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120.141.878	236.635.125
Lãi dự thu	4.024.402.476	2.219.341.667
Các khoản phải thu khác	2.847.226.358	1.308.210.467
	<u>8.214.722.898</u>	<u>4.868.639.231</u>

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dưới đây là dự phòng phải thu khó đòi do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm nay và các năm trước.

	<u>VND</u>
Số dư đầu năm trước	147.868.000
Trích dự phòng trong năm	18.695.516.395
Số dư đầu năm nay	18.843.384.395
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(5.149.565.781)
Số cuối năm	13.693.818.614

Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán như sau:

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Giá gốc	53.991.549.743	33.305.721.833
Dự phòng	<u>13.693.818.614</u>	<u>18.843.384.395</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	9.378.131.212	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	102.393.581.842	-	87.367.967.020	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.130.527.257	-	8.546.622.387	-
Thành phẩm	79.319.439.684	-	62.712.092.607	-
Hàng hoá	27.897.377.047	-	15.567.412.580	-
	<u>231.119.057.042</u>	-	<u>174.194.094.594</u>	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
a. Ngắn hạn	6.417.269.413	4.074.484.027
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.731.978.762	3.894.039.849
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.685.290.651	180.444.178
b. Dài hạn	12.188.688.196	3.616.995.318
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.379.840.456	3.587.881.984
Chi phí tiền thuê đất	8.494.041.124	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.314.806.616	29.113.334
	<u>18.605.957.609</u>	<u>7.691.479.345</u>

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	113.046.204.553	167.096.404.099	16.615.990.327	7.716.111.107	304.474.710.086
Tăng từ sáp nhập					-
Mua trong năm	-	20.730.892.779	6.472.011.818	349.040.909	27.551.945.506
Tăng khác					-
Xây dựng cơ bản	21.749.538.077	30.269.470.097	5.210.617.146	-	57.229.625.320
Thanh lý, nhượng bán	-	(339.734.400)	-	-	(339.734.400)
Số cuối năm	134.795.742.630	217.757.032.575	28.298.619.291	8.065.152.016	388.916.546.512
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	40.700.736.094	124.489.115.886	10.565.831.109	3.124.793.536	178.880.476.625
Khấu hao trong năm	8.132.147.589	24.440.439.151	2.460.023.311	1.325.880.204	36.358.490.255
Thanh lý, nhượng bán	-	(339.734.400)	-	-	(339.734.400)
Điều chỉnh khác	-	(8.464.995.000)	-	-	(8.464.995.000)
Số cuối năm	48.832.883.683	140.124.825.637	13.025.854.420	4.450.673.740	206.434.237.480
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số cuối năm	85.962.858.947	77.632.206.938	15.272.764.871	3.614.478.276	182.482.309.032
Số đầu năm	72.345.468.459	42.607.288.213	6.050.159.218	4.591.317.571	125.594.233.461

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 115.573.095.767 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 99.230.655.252 đồng).

12. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	43,368,127,650	709,403,250	44,077,530,900
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1,709,070,000	10,640,776,300	12,349,846,300
Số cuối năm	45,077,197,650	11,350,179,550	56,427,377,200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	877,281,741	526,931,866	1,404,213,607
Khấu hao trong năm	228,189,058	1,512,568,422	1,740,757,480
Số cuối năm	1,105,470,799	2,039,500,288	3,144,971,087
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số cuối năm	43,971,726,851	9,310,679,262	53,282,406,113
Số đầu năm	42,490,845,909	182,471,384	42,673,317,293

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 161.989.091 đồng.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Chi phí xây dựng cải tạo trung tâm nghiên cứu	8.400.013.022	-
Kho lưu trữ	2.935.641.721	-
Dự án trồng cây dược liệu	2.569.533.273	917.435.684
Hệ thống lạnh kho thành phẩm	2.556.277.460	-
Chi phí thuê đất xây dựng nhà máy sản xuất	2.082.020.780	-
Phần mềm SAP ERP	585.000.000	11.265.100.000
Chi phí xây dựng chi nhánh Quảng Trị	-	1.709.070.000
Nhà chi nhánh Bidiphar Khánh Hòa	-	18.056.000
Máy Isolator 1	-	597.372.600
Máy rửa chai	-	476.038.536
Tổng kho Bidiphar	-	4.727.689.091
Khác	11.976.504.196	1.705.231.674
	<u>31.104.990.452</u>	<u>21.415.993.585</u>

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết khoản đầu vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số cuối năm <u>VND</u>
Giá gốc khoản đầu tư	92.868.048.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	22.684.939.826
	<u>115.552.987.826</u>

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết:

	Số cuối năm <u>VND</u>
Tổng tài sản	489.233.103.065
Tổng công nợ	(145.099.623.290)
Tài sản thuần	344.133.479.775
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào Công ty liên kết	<u>115.552.987.825</u>

	Năm nay <u>VND</u>
Lợi nhuận thuần	31.938.758.094
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết trong năm	<u>10.724.382.085</u>

Năm nay là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất, phần đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu chỉ được áp dụng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Năm 2015, khoản đầu tư này trình bày theo phương pháp giá gốc nên không thể so sánh được.

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Số lượng <u>Cổ phiếu</u>	Số cuối năm		Số đầu năm	
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
			<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	13,50%	405.000	12.995.016.936	-	12.995.016.936	-
Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An	1,29%	205.710	1.513.534.971	-	1.513.534.971	-
Công ty TNHH Thiên Phúc	10,00%	200.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
			16.508.551.907	-	16.508.551.907	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản đầu tư vào đơn vị khác không có dấu hiệu giảm giá, nên Công ty không trích lập dự phòng.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	70.519.556.117	69.454.454.378
Phải trả nhà cung cấp khác	179.130.538.072	82.217.255.850
	249.650.094.189	151.671.710.228

Tất cả các khoản phải trả người bán đều có khả năng thanh toán.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm <u>VND</u>	Số phải nộp trong năm <u>VND</u>	Số đã thực nộp trong năm <u>VND</u>	Số cuối năm <u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.437.423.985	5.448.023.339	6.647.296.793	238.150.531
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(240.205.234)	13.487.446.706	13.247.241.472	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(96.330.153)	2.229.459.221	2.133.129.068	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.250.007.556	34.389.506.357	42.250.007.555	18.389.506.358
Thuế thu nhập cá nhân	901.473.555	6.994.299.770	2.956.164.202	4.939.609.123
Thuế đất	-	1.035.087.550	1.035.087.550	-
Thuế môn bài	-	77.500.000	77.500.000	-
	28.252.369.709	63.661.322.943	68.346.426.640	23.567.266.012
Trong đó				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(336.535.387)			-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28.588.905.096			23.567.266.012

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ tức phải trả cho cổ đông	104.866.919.550	62.936.158.500
Kinh phí công đoàn	1.754.228.443	3.063.588.780
Bảo hiểm xã hội	1.896.525.452	502.419.802
Phải trả liên quan đến các nguồn dự án	-	9.334.336.494
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.347.379.598	5.128.297.296
	114.865.053.043	80.964.800.872

19. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Trong năm		Số cuối năm
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	13.451.391.463	154.799.910.822	145.818.381.236	22.432.921.049
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định		46.079.002.762	46.079.002.762	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn	13.451.391.463	108.720.908.060	99.739.378.474	22.432.921.049
Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên	73.237.819.545	37.698.050.144	58.647.288.621	52.288.581.068
	86.689.211.008	192.497.960.966	204.465.669.857	74.721.502.117

Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 150.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2016 đến ngày 30 tháng 4 năm 2017. Đây là khoản vay tín chấp với lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ.

Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn thể hiện hợp đồng tín dụng với hạn mức 40.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty. Thời hạn khoản vay là 30 ngày theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ ngày 30 tháng 12 năm 2016 đến ngày 30 tháng 12 năm 2017. Đây là khoản vay tín chấp với lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên thể hiện khoản vay tín chấp từ tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty với thời hạn một năm. Công ty trả lãi cho cán bộ công nhân viên theo mức lãi suất hiện hành của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tất cả các khoản vay đều có khả năng thanh toán.

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được hình thành từ việc trích lập lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty. Quỹ này được sử dụng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi của Công ty và thưởng cho Ban Quản lý Điều hành Công ty.

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng Ban điều hành VND	Tổng VND
Số đầu năm	43.582.588.793	17.741.318.030	4.291.304.565	65.615.211.388
Tăng từ lợi nhuận	9.134.851.364	4.567.425.681	2.740.455.409	16.442.732.454
Tăng khác	29.920.000	-	-	29.920.000
Sử dụng quỹ	(5.354.724.000)	(1.591.334.143)	(2.700.000.000)	(9.646.058.143)
Số cuối năm	47.392.636.157	20.717.409.568	4.331.759.974	72.441.805.699

21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích từ lợi nhuận trước thuế theo Thông tư số 105/2012/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2012 (sửa đổi, bổ sung Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 09 tháng 02 năm 2011), để sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Quỹ được sử dụng theo Quyết định số 01/CTD TTBYT ngày 01 tháng 01 năm 2009 khi các hoạt động nghiên cứu và phát triển được thực hiện.

Biến động của Quỹ phát triển và khoa học công nghệ trong năm như sau:

	Quỹ phát triển khoa học công nghệ VND
Số đầu năm	31.699.796.258
Tăng khác	3.409.312.200
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại	17.000.000.000
Giảm khác	(229.321.071)
Khấu hao tài sản cố định trừ vào quỹ	(2.805.188.218)
Số cuối năm	49.074.599.169

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	268.627.000.000	-	6.808.627.786	34.033.138.737	309.468.766.523
Tăng vốn trong năm	150.555.790.000	-	-	-	150.555.790.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	214.765.503.877	214.765.503.877
Trích lập các quỹ	-	-	21.433.907.387	(21.433.907.387)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	-	-	-	(25.720.688.865)	(25.720.688.865)
Chia cổ tức	-	-	-	(89.740.118.500)	(89.740.118.500)
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	(5.184.598.516)	(5.184.598.516)
Số dư đầu năm nay	419.182.790.000	-	28.242.535.173	106.719.329.346	554.144.654.519
Tăng vốn trong năm	104.607.210.000	20.921.442.000	-	-	125.528.652.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	141.491.537.934	141.491.537.934
Chia cổ tức	-	-	-	(78.568.500.000)	(78.568.500.000)
Trích lập các quỹ	-	-	13.702.277.045	(13.702.277.045)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	-	-	-	(16.442.732.454)	(16.442.732.454)
Trích thù lao HĐQT	-	-	-	(2.740.455.409)	(2.740.455.409)
Tăng do hợp nhất	-	-	-	19.270.856.134	19.270.856.134
Số cuối năm	523.790.000.000	20.921.442.000	41.944.812.218	156.027.758.506	742.684.012.724

Trong năm, Công ty đã phát hành thành công 10.460.721 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng và giá bán là 12.000 đồng/cổ phần để tăng vốn cổ phần theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu với số lượng 8.383.656 cổ phần theo tỉ lệ 5:1 và chào bán cho người lao động của Công ty với số lượng 2.077.065 cổ phần. Thặng dư vốn cổ phần thu được từ đợt phát hành cổ phần tăng vốn này là 20.921.442.000 đồng. Mục đích của đợt phát hành là bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh và đầu tư thành lập các công ty khoa học công nghệ với tỉ lệ sở hữu 100% vốn.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 688/NQ-ĐHĐCĐ2016 ngày 27 tháng 4 năm 2016 thông qua phương án tạm chia cổ tức và trích các quỹ trong năm 2015 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 21.433.907.387 đồng;
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế và thưởng Ban điều hành 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 25.720.688.865 đồng;

- Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát : 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền 4.286.781.477 đồng;
- Chia cổ tức 15% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 62.877.418.500 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã tạm trích lập các quỹ và cổ tức từ lợi nhuận sau thuế 2016 căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt số 688/NQ-ĐHĐCĐ2016 ngày 27 tháng 4 năm 2016 như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ tương ứng với số tiền là 13.702.277.045 đồng;
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ và thưởng Ban điều hành 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với số tiền là 16.442.732.454 đồng;
- Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát: 2% lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ tương ứng với số tiền 2.740.455.409 đồng;
- Tạm trích cổ tức 15% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 78.568.500.000 đồng.

Số liệu cuối cùng về chia cổ tức và trích lập các quỹ từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 sẽ được các cổ đông của Công ty phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

Cổ phần:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	52.379.000	41.918.279
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	52.378.929	41.918.208
+ <i>Cổ phiếu quỹ</i>	71	71
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	52.378.929	41.918.208
+ <i>Cổ phần phổ thông</i>	52.378.929	41.918.208
+ <i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 10 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 523.790.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Cổ đông Nhà nước - Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	17.460.755	33,34	174.607.550.000	17.460.755	41,65	174.607.550.000
Các cổ đông khác	34.918.245	66,66	349.182.450.000	24.457.524	58,35	244.575.240.000
	52.379.000	100	523.790.000.000	41.918.279	100	419.182.790.000

23. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

Nguồn kinh phí và quỹ khác thể hiện khoản kinh phí được cấp bởi Sở Khoa học và Công nghệ Tỉnh Bình Định liên quan tới hợp đồng “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ để sản xuất một số thuốc dùng điều trị ung thư tại Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định” số 09/2014/SKHHCN-HĐ/DA KHHCN ngày 22 tháng 10 năm 2014 giữa Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định và Công ty với tổng kinh phí của hợp đồng là 59.500.000.000 đồng. Hợp này được thực hiện trong vòng 5 năm, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã tiến hành mua sắm tài sản cố định để phục vụ cho việc nghiên cứu với tổng giá trị là 9.142.705.000 đồng.

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chủ yếu hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh là ngành dược phẩm, vật tư y tế và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ (“USD”)	6.692,49	651,92
Đồng Euro (“EUR”)	100,01	100,40

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.442.509.289.677	1.266.145.619.658
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu bán dược phẩm	1.310.142.050.400	1.155.031.902.082
Doanh thu bán vật tư y tế	121.095.715.487	98.455.473.201
Doanh thu bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	9.254.774.339	11.014.633.899
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	2.016.749.451	1.643.610.476
Các khoản giảm trừ doanh thu	57.607.455.139	41.077.582.725
Chiết khấu thương mại	50.880.535.932	21.385.752.870
Giảm giá hàng bán	240.998.970	2.001.118.081
Hàng bán bị trả lại	6.485.920.237	17.690.711.774
	<u>1.384.901.834.538</u>	<u>1.225.068.036.933</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Giá vốn bán dược phẩm	753.298.447.064	674.423.702.212
Giá vốn bán vật tư y tế	108.552.582.592	88.907.277.527
Giá vốn bán nguyên liệu, bao bì, công cụ dụng cụ	8.217.367.198	9.277.834.645
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ khác	5.634.039.997	468.106.105
	<u>875.702.436.851</u>	<u>773.076.920.489</u>

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	380.353.892.660	303.231.094.114
Chi phí nhân công	206.376.085.234	150.352.712.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.793.831.392	39.217.133.823
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.130.644.781	91.214.850.903
Chi phí khác bằng tiền	91.579.131.408	126.549.040.725
(Hoàn nhập)/Dự phòng phải thu khó đòi	(4.878.066.678)	18.695.516.395
	<u>827.355.518.797</u>	<u>729.260.348.586</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.798.432.089	10.617.685.454
Cổ tức, lợi nhuận được chia	185.059.802	5.264.568.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán	974.738.917	1.075.469.901
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	426.430.006
Khác	255.363.657	330.718.056
	<u>16.213.594.465</u>	<u>17.714.871.417</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí lãi vay	4.498.013.037	5.447.775.250
Chiết khấu thanh toán	2.527.401.127	2.048.361.005
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh to.	1.771.360.260	1.227.319.197
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	305.753.275	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	7.092.502.210
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	165.041
	<u>9.102.527.699</u>	<u>15.816.122.703</u>

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	129.989.062.484	82.618.649.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.474.307.228	2.807.200.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.608.916.070	43.477.322.871
Chi phí bán hàng khác	76.731.169.214	93.192.723.547
	<u>260.803.454.996</u>	<u>222.095.896.085</u>

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	43.681.653.036	36.438.915.119
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.464.063.411	6.424.802.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.642.008.058	12.463.231.719
(Hoàn nhập)/Dự phòng phải thu khó đòi	(4.878.066.678)	18.695.516.395
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.477.339.180	27.995.723.203
	<u>90.386.997.007</u>	<u>102.018.188.723</u>

33. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Thu nhập từ sáp nhập	-	143.786.791.446
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định		147.280.104
Khác	223.438.352	207.532.088
Thu nhập khác	<u>223.438.352</u>	<u>144.141.603.638</u>
Chi phí khác	186.788.596	61.872.556
Chi phí khác	<u>186.788.596</u>	<u>61.872.556</u>
Lợi nhuận khác	<u>36.649.756</u>	<u>144.079.731.082</u>

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	34.288.813.175	59.090.007.555
- Điều chỉnh Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	100.693.182	-
	<u>34.389.506.357</u>	<u>59.090.007.555</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	175.881.044.291	273.855.511.432
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(185.059.802)	5.264.568.000
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(10.724.382.085)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	6.472.588.243	-
Thu nhập chịu thuế	171.444.190.647	268.590.943.432
Thuế suất thông thường	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập tính thuế	<u>34.288.813.175</u>	<u>59.090.007.555</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2015: 22%) trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho Công ty Điều chỉnh	141.491.537.934	214.765.503.877
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</i>	-	426.430.006
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	16.442.732.454	25.720.688.865
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông Công ty	125.048.805.480	188.618.385.006
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành (Cổ phiếu)	44.833.562	41.918.279
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.789</u>	<u>4.500</u>

Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ước tính theo mức 10% lợi nhuận lợi nhuận sau thuế căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt số 688/NQ-ĐHĐCĐ2016 ngày 27 tháng 4 năm 2016.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	135.548.882.234	210.691.770.915
Phải thu khách hàng và phải thu khác	312.704.035.833	240.314.959.737
Đầu tư tài chính ngắn hạn	274.112.393.300	110.001.393.300
Phải thu về cho vay ngắn hạn	585.608.788	727.446.288
	722.950.920.155	561.735.570.240
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	74.721.502.117	86.689.211.008
Phải trả người bán và phải trả khác	364.515.147.134	232.636.511.100
	439.236.649.251	319.325.722.108

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	15.728.730.305	20.622.566.224	38.573.126.531	5.557.333.270
Đồng Euro (EUR)	2.383.838	2.451.366	2.095.360.055	548.052.800

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng:

	Năm nay	Năm trước
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	685.331.887	451.956.989
Đồng Euro (EUR)	62.789.287	16.368.043

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm 2016 sẽ giảm/tăng 1.494.430.042 đồng (năm 2015: 1.733.784.220 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có uy tín. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay của Công ty chủ yếu là cho cán bộ công nhân viên vay. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các cá nhân này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Dưới 1 năm
VND

Tại ngày cuối năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	135.548.882.234
Phải thu khách hàng và phải thu khác	312.704.035.833
Đầu tư tài chính	274.112.393.300
Phải thu về cho vay	585.608.788
	722.950.920.155

Các khoản vay	74.721.502.117
Phải trả người bán và phải trả khác	364.515.147.232
	439.236.649.349

Chênh lệch thanh khoản thuần **283.714.270.806**

Dưới 1 năm
VND

Tại ngày đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	210.691.770.915
Phải thu khách hàng và phải thu khác	240.314.959.737
Đầu tư tài chính	110.001.393.300
Phải thu về cho vay	727.446.288
	561.735.570.240

Các khoản vay	86.689.211.008
Phải trả người bán và phải trả khác	232.636.511.100
	319.325.722.108

Chênh lệch thanh khoản thuần **242.409.848.132**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	Công ty đồng chủ tịch

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được nhận trong năm như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>3.780.922.730</u>	<u>2.740.762.964</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Cổ tức phải trả		
Quỹ đầu tư phát triển Tỉnh Bình Định	52.382.400.000	26.191.200.000

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 5.833.090.556 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.219.341.667 đồng) là khoản lãi từ tiền gửi có kỳ hạn trích trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 104.866.919.550 đồng là cổ tức mà cổ đông chưa nhận tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tại ngày

31 tháng 12 năm 2015: 62.936.158.500 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.

39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

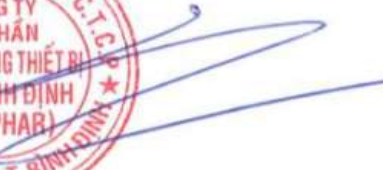
Ngày 16 tháng 01 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường UpcoM, với mã chứng khoán DBD theo quyết định số 22/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 09 tháng 01 năm 2017.



Lê Thị Diệu Loan
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2017